

**ĐẢNG BỘ KHÔI DOANH NGHIỆP TW
ĐẢNG ỦY TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ
QUỐC GIA VIỆT NAM**

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Hà Nội, ngày 01 tháng 12 năm 2022

Số 901-CV/ĐU

*V/v Quán triệt, triển khai thực hiện các
văn bản của Bộ Chính trị, Đảng ủy Khối*

ĐẢNG ỦY CƠ QUAN	
TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM	
ĐẾN	Số: 294
	Ngày: 11/12/2022
Chuyên: MC	P. B. T. V

- Kính gửi:**
- Các đồng chí Ủy viên Ban chấp hành Đảng bộ Tập đoàn
 - Các đồng chí Lãnh đạo Tập đoàn
 - Các Ban tham mưu giúp việc Đảng ủy Tập đoàn
 - Công đoàn Dầu khí Việt Nam, Hội Cựu Chiến binh, Đoàn Thanh niên Tập đoàn
 - Các Đảng bộ, Chi bộ trực thuộc Tập đoàn.

Ban Thường vụ Đảng ủy Tập đoàn gửi tới đồng chí các tài liệu sau:

1. Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới (văn bản sao lục 69-SL/ĐUK ngày 28/11/2022 của Đảng ủy Khối)
2. Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 23/11/2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế-xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng Sông Hồng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (văn bản sao lục 70-SL/ĐUK ngày 28/11/2022 của Đảng ủy Khối)
3. Kết luận số 45-KL/TW ngày 17/11/2022 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về định hướng Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (văn bản sao lục 71-SL/ĐUK ngày 28/11/2022 của Đảng ủy Khối)
4. Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 17/11/2022 của Bộ Chính trị về tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (văn bản sao lục 72-SL/ĐUK ngày 28/11/2022 của Đảng ủy Khối)
5. Chỉ thị số 19-CT/TW ngày 18/11/2022 của Ban Bí thư về việc tổ chức Tết Quý Mão năm 2023 (văn bản sao lục 73-SL/ĐUK ngày 28/11/2022 của Đảng ủy Khối).

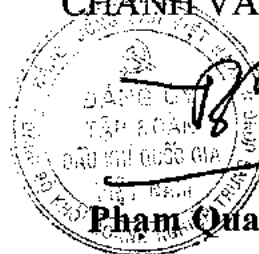
Đề nghị các đồng chí nghiên cứu, quán triệt nội dung tại các văn bản và chỉ đạo triển khai, tổ chức thực hiện phù hợp với Đảng bộ/Đơn vị.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên,
- Thường trực ĐUTĐ (để b/cáo),
- BCH, Ban Lãnh đạo TĐ (e-copy),
- HĐTV, TGD Tập đoàn,
- Các Ban xây dựng Đảng,
- Đoàn thể CT-XH,
- Chi/Đảng bộ trực thuộc,
- Lưu VPĐU.

**T/L BAN THƯỜNG VỤ
CHÁNH VĂN PHÒNG**



Phạm Quang Dũng

BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Số 27-NQ/TW

Hà Nội, ngày 09 tháng 11 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

HỘI NGHỊ LẦN THỨ SÁU

BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHOÁ XIII
về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền
xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới

Chuyên: V.P.Đ.Ư.

Số và ký hiệu hồ sơ: 63.52...

I- TÌNH HÌNH

Qua hơn 35 năm đổi mới và hơn 30 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (Cương lĩnh năm 1991, bổ sung, phát triển năm 2011), công cuộc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng đã đạt được những thành tựu rất quan trọng. Nhận thức, lý luận về Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam ngày càng thống nhất, đầy đủ và sâu sắc hơn. Hệ thống pháp luật đã được hoàn thiện một bước cơ bản; vai trò của pháp luật và việc thực thi pháp luật được chú trọng trong tổ chức, hoạt động của Nhà nước và xã hội. Cơ chế phân công, phối hợp và kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp ngày càng rõ hơn và có chuyển biến tích cực. Bộ máy nhà nước từng bước tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Tổ chức và hoạt động của Quốc hội có nhiều đổi mới, chất lượng được nâng cao. Hoạt động của Chính phủ chủ động, tích cực, tập trung hơn vào quản lý, điều hành vĩ mô, tháo gỡ rào cản, phục vụ, hỗ trợ phát triển. Cải cách hành chính, cải cách tư pháp có bước đột phá trên một số lĩnh vực. Tổ chức bộ máy của toà án nhân dân, viện kiểm sát nhân dân, cơ quan điều tra, cơ quan thi hành án, cơ quan bảo trợ tư pháp tiếp tục được kiện toàn, chất lượng hoạt động được nâng lên. Quyền con người, quyền công dân theo Hiến định tiếp tục được cụ thể hoá bằng pháp luật và thực hiện tốt hơn trên thực tế; dân chủ trực tiếp và dân chủ đại diện được tăng cường. Hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội từng bước được đổi mới. Mô hình Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam không ngừng được hoàn thiện, vận hành theo cơ chế "Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân

dân làm chủ", góp phần quan trọng vào những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử của sự nghiệp đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Tuy nhiên, công cuộc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam vẫn còn những hạn chế, bất cập, có mặt chưa đáp ứng yêu cầu phát triển, quản lý và bảo vệ đất nước trong tình hình mới. Một số vấn đề lý luận và thực tiễn chưa được luận giải một cách đầy đủ, thuyết phục; tổ chức bộ máy nhà nước, hệ thống pháp luật còn một số bất cập, chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn. Quyền lực nhà nước chưa được kiểm soát hiệu quả, cơ chế kiểm soát quyền lực chưa hoàn thiện; vai trò giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và Nhân dân chưa được phát huy mạnh mẽ; ý thức chấp hành pháp luật của một bộ phận cán bộ, công chức, đảng viên và Nhân dân chưa nghiêm; cơ chế bảo đảm quyền làm chủ của Nhân dân, quyền con người, quyền công dân có mặt chưa được phát huy đầy đủ; cải cách hành chính, cải cách tư pháp chưa đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước...

Nguyên nhân của những hạn chế, bất cập nêu trên chủ yếu là do: Việc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam là vấn đề lớn, phức tạp, lâu dài; công tác tổng kết thực tiễn, nghiên cứu, hoàn thiện lý luận chưa được quan tâm đúng mức; quyết tâm chính trị, công tác lãnh đạo, chỉ đạo của một số cấp uỷ, tổ chức đảng, chính quyền trong thực hiện các chủ trương, nhiệm vụ về xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam chưa tương xứng với yêu cầu đặt ra.

II- QUAN ĐIỂM

1. Kiên định, vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; kiên định đường lối đổi mới và bảo đảm sự lãnh đạo, cầm quyền của Đảng. Nắm vững và xử lý tốt các mối quan hệ lớn giữa Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý và Nhân dân làm chủ; giữa nhà nước, thị trường và xã hội; giữa thực hành dân chủ xã hội chủ nghĩa và tăng cường pháp chế, bảo đảm kỷ cương xã hội. Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng là nhiệm vụ trọng tâm của đổi mới hệ thống chính trị; luôn phải đặt trong tổng thể công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, huy động sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị với quyết tâm cao, nỗ lực lớn, hành động quyết liệt, kiên trì, hiệu quả; thực hiện thắng lợi sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

2. Thực hiện nhất quán nguyên tắc tất cả quyền lực nhà nước thuộc về Nhân dân, phát huy quyền làm chủ của Nhân dân trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam; quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công rành mạch, phối hợp chặt chẽ, kiểm soát hiệu quả giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp dưới sự giám sát của Nhân dân.

3. Bảo đảm thượng tôn Hiến pháp và pháp luật. Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam tổ chức và hoạt động theo Hiến pháp và pháp luật, quản lý xã hội bằng Hiến pháp và pháp luật, đồng thời coi trọng giáo dục, nâng cao đạo đức xã hội chủ nghĩa; thể chế hoá kịp thời, đầy đủ và tổ chức thực hiện hiệu quả chủ trương, đường lối của Đảng; lấy con người là trung tâm, mục tiêu, chủ thể và động lực phát triển đất nước; Nhà nước tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ quyền con người, quyền công dân.

4. Bám sát thực tiễn đất nước và xu thế phát triển của thời đại, kế thừa những thành tựu đã đạt được, tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm quốc tế phù hợp với Việt Nam; kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, sức mạnh quốc gia với sức mạnh quốc tế; bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, an ninh quốc gia, chế độ xã hội chủ nghĩa.

5. Bảo đảm tổng thể, đồng bộ, liên thông giữa đổi mới lập pháp, cải cách hành chính, cải cách tư pháp; kết hợp hài hoà giữa kế thừa, ổn định với đổi mới, phát triển; tiến hành khẩn trương, nghiêm minh, nhất quán, có trọng tâm, trọng điểm và lộ trình, bước đi vững chắc. Những vấn đề thực tiễn đòi hỏi, đã rõ, được thực tiễn chứng minh là đúng, có sự thống nhất cao thì kiên quyết thực hiện; những vấn đề chưa rõ, còn nhiều ý kiến khác nhau thì tiếp tục nghiên cứu, tổng kết thực tiễn, thực hiện thí điểm khi cơ quan có thẩm quyền cho phép; những chủ trương đã thực hiện, nhưng không phù hợp thì nghiên cứu điều chỉnh, sửa đổi kịp thời.

III- MỤC TIÊU, TRỌNG TÂM

1. Mục tiêu

1.1. Mục tiêu tổng quát

Hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo; có hệ thống pháp luật hoàn thiện, được thực hiện nghiêm minh, nhất quán; thượng tôn Hiến pháp và pháp luật, tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ hiệu quả quyền con người,

quyền công dân; quyền lực nhà nước là thống nhất, được phân công rành mạch, phối hợp chặt chẽ, kiểm soát hiệu quả; nền hành chính, tư pháp chuyên nghiệp, pháp quyền, hiện đại; bộ máy nhà nước tinh gọn, trong sạch, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có đủ phẩm chất, năng lực, thực sự chuyên nghiệp, liêm chính; quản trị quốc gia hiện đại, hiệu quả; đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước nhanh, bền vững, trở thành nước phát triển, có thu nhập cao theo định hướng xã hội chủ nghĩa vào năm 2045.

1.2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

- Hoàn thiện cơ bản các cơ chế bảo đảm quyền làm chủ của Nhân dân, bảo đảm và bảo vệ quyền con người, quyền công dân. Thượng tôn Hiến pháp và pháp luật trở thành chuẩn mực ứng xử của mọi chủ thể trong xã hội. Hệ thống pháp luật dân chủ, công bằng, nhân đạo, đầy đủ, đồng bộ, thống nhất, kịp thời, khả thi, công khai, minh bạch, ổn định, dễ tiếp cận, mở đường cho đổi mới sáng tạo, phát triển bền vững và cơ chế tổ chức thực hiện pháp luật nghiêm minh, nhất quán. Hoàn thiện cơ chế phân công, phối hợp, kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp, bảo đảm quyền lực nhà nước là thống nhất, được kiểm soát hiệu quả.

- Tiếp tục đổi mới tổ chức và nâng cao chất lượng hoạt động của Quốc hội; bảo đảm Quốc hội thực sự là cơ quan đại biểu cao nhất của Nhân dân, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất, nâng cao hiệu quả thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định của Hiến pháp.

- Hoàn thành cơ bản việc xây dựng nền hành chính nhà nước phục vụ Nhân dân, dân chủ, pháp quyền, chuyên nghiệp, hiện đại, trong sạch, vững mạnh, công khai, minh bạch; bảo đảm Chính phủ là cơ quan hành chính nhà nước cao nhất, thực hiện quyền hành pháp, cơ quan chấp hành của Quốc hội; phân cấp, phân quyền hợp lý giữa Trung ương và địa phương; cơ bản hoàn thiện tổ chức bộ máy chính quyền địa phương.

- Hoàn thành cơ bản việc xây dựng nền tư pháp chuyên nghiệp, hiện đại, công bằng, nghiêm minh, liêm chính, phụng sự Tổ quốc, phục vụ Nhân dân, bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của tổ chức, cá nhân.

- Tổ chức bộ máy nhà nước cơ bản tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có đủ phẩm chất, năng lực, chuyên nghiệp, liêm chính, chí công, vô tư.

2. Trọng tâm

- Hoàn thiện hệ thống pháp luật và cơ chế tổ chức thực hiện pháp luật nghiêm minh, nhất quán; bảo đảm thượng tôn Hiến pháp và pháp luật; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực pháp luật.

- Hoàn thiện cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước, đẩy mạnh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, tăng cường phân cấp, phân quyền, làm rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các tổ chức, cá nhân trong bộ máy nhà nước đi đôi với nâng cao năng lực thực thi; xây dựng tổ chức bộ máy nhà nước tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

- Đẩy mạnh cải cách tư pháp, bảo đảm tính độc lập của toà án theo thẩm quyền xét xử, thẩm phán, hội thẩm xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật.

IV- NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến, giáo dục, nâng cao nhận thức về Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam

- Tăng cường tổng kết thực tiễn, nghiên cứu, xây dựng và hoàn thiện hệ thống lý luận về Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Thống nhất nhận thức về các đặc trưng của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, đó là: Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo; Nhà nước của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân; quyền con người, quyền công dân được công nhận, tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ theo Hiến pháp và pháp luật; Nhà nước được tổ chức và hoạt động theo Hiến pháp và pháp luật, quản lý xã hội bằng Hiến pháp và pháp luật; quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công rành mạch, phối hợp chặt chẽ và kiểm soát hiệu quả giữa các cơ quan nhà nước trong thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp; hệ thống pháp luật dân chủ, công bằng, nhân đạo, đầy đủ, đồng bộ, thống nhất, kịp thời, khả thi, công khai, minh bạch, ổn định, dễ tiếp cận, được thực hiện nghiêm minh và nhất quán; độc lập của toà án theo thẩm quyền xét xử, thẩm phán, hội thẩm xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật; tôn trọng và bảo đảm thực hiện các điều ước quốc tế mà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của Hiến chương Liên hợp quốc và luật pháp quốc tế.

- Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến, giáo dục nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên và Nhân dân về Hiến pháp và pháp luật, về Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam và yêu cầu, nhiệm vụ tiếp tục xây dựng, hoàn thiện

Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới. Quán triệt sâu sắc việc xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nhiệm vụ trọng tâm của đổi mới hệ thống chính trị; được tiến hành đồng bộ với thực hiện dân chủ xã hội chủ nghĩa và phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

2. Bảo đảm quyền làm chủ của Nhân dân, thượng tôn Hiến pháp và pháp luật, tôn trọng, bảo đảm và bảo vệ quyền con người, quyền công dân

- Thể chế hoá đầy đủ và thực hiện đúng đắn, hiệu quả cơ chế Nhân dân thực hiện quyền lực nhà nước bằng dân chủ trực tiếp, dân chủ đại diện, nhất là dân chủ ở cơ sở. Tổng kết việc thực hiện và nghiên cứu hoàn thiện các quy định pháp luật theo hướng phát huy tốt hơn các hình thức dân chủ trực tiếp của Nhân dân; có cơ chế bảo đảm thực hiện quyền của Nhân dân tham gia thảo luận và kiến nghị với cơ quan nhà nước về các vấn đề của cơ sở, địa phương và cả nước; công khai, minh bạch trong việc tiếp nhận, xử lý, giải quyết, phản hồi ý kiến, kiến nghị, phản ánh, khiếu nại, tố cáo của Nhân dân. Đổi mới cơ chế bầu cử để lựa chọn được những người xứng đáng đại diện cho Nhân dân; nghiên cứu việc bỏ phiếu bầu cử của công dân Việt Nam đang ở nước ngoài, làm rõ những trường hợp không được bầu cử. Phát huy dân chủ đi đôi với tăng cường pháp chế, đề cao đạo đức xã hội và trách nhiệm công dân, giữ vững kỷ luật, kỷ cương, đấu tranh kiên quyết với những biểu hiện dân chủ cực đoan, dân chủ hình thức; xử lý nghiêm mọi hành vi lợi dụng dân chủ để xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân, xâm phạm an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội.

- Xây dựng ý thức và lối sống thượng tôn Hiến pháp và pháp luật trong hệ thống chính trị và toàn xã hội; đưa nội dung phù hợp về Hiến pháp và Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam vào chương trình đào tạo, bồi dưỡng của hệ thống giáo dục quốc dân. Nâng cao ý thức trách nhiệm, năng lực của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức trong thực thi Hiến pháp, pháp luật. Cụ thể hoá và xây dựng cơ chế để các chủ thể thực hiện đầy đủ quyền và trách nhiệm bảo vệ Hiến pháp.

- Tiếp tục thể chế hoá, cụ thể hoá kịp thời, đầy đủ quan điểm, chủ trương của Đảng và quy định của Hiến pháp về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân; nội luật hoá các điều ước quốc tế về quyền con người mà Việt Nam đã tham gia; xác định rõ trách nhiệm của cơ quan nhà nước trong việc tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ quyền con người, quyền công dân. Thực hiện tốt

nguyên tắc công dân được làm tất cả những gì pháp luật không cấm; quyền công dân không tách rời nghĩa vụ công dân, việc thực hiện quyền con người, quyền công dân không được xâm phạm lợi ích quốc gia - dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

3. Tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật và cơ chế tổ chức thực hiện pháp luật nghiêm minh, hiệu quả, bảo đảm yêu cầu phát triển đất nước nhanh và bền vững

- Xây dựng hệ thống pháp luật dân chủ, công bằng, nhân đạo, đầy đủ, kịp thời, đồng bộ, thống nhất, công khai, minh bạch, ổn định, khả thi, dễ tiếp cận, đủ khả năng điều chỉnh các quan hệ xã hội, lấy quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người dân, tổ chức, doanh nghiệp làm trung tâm, thúc đẩy đổi mới sáng tạo. Tập trung hoàn thiện hệ thống pháp luật trên tất cả các lĩnh vực, tháo gỡ kịp thời khó khăn, vướng mắc, khơi dậy, phát huy mọi tiềm năng và nguồn lực, tạo động lực mới cho phát triển nhanh và bền vững của đất nước. Nhất là: Hoàn thiện pháp luật về tổ chức, hoạt động của bộ máy nhà nước và hệ thống chính trị; phát huy dân chủ, bảo đảm, bảo vệ quyền con người, quyền công dân; thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, mối quan hệ giữa Nhà nước, thị trường và xã hội; phát triển giáo dục - đào tạo, khoa học và công nghệ; phát triển nguồn nhân lực, thu hút, trọng dụng nhân tài; văn hoá, thông tin, truyền thông, thể thao, y tế, an sinh xã hội, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu; phát triển kinh tế xanh, kinh tế số, kinh tế tuần hoàn; tư pháp, quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội; đối ngoại và hội nhập quốc tế.

- Tiếp tục đổi mới, hoàn thiện quy trình xây dựng pháp luật, bảo đảm chuyên nghiệp, khoa học, kịp thời, khả thi, hiệu quả. Quy định rõ hơn quy trình xây dựng chính sách, phân định rõ quy trình lập pháp và quy trình xây dựng văn bản dưới luật. Phát huy tính năng động, sáng tạo, tích cực, vai trò, trách nhiệm của các chủ thể, đặc biệt là Chính phủ trong quy trình lập pháp. Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và Nhân dân, chuyên gia, nhà khoa học tham gia xây dựng pháp luật. Hoàn thiện cơ chế phản biện xã hội, giải trình và tiếp thu ý kiến của Nhân dân đối với dự thảo văn bản quy phạm pháp luật. Bảo đảm đồng bộ, kịp thời trong xây dựng chính sách, pháp luật giữa Quốc hội với Chính phủ, giữa các bộ, giữa Trung ương và địa phương. Đa dạng hoá nguồn pháp luật, đề cao và coi trọng đạo luật, đơn giản hoá, giảm tầng nấc, loại hình văn bản trong hệ thống văn bản quy phạm pháp luật. Xác định đúng, rõ các cơ quan có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm

pháp luật, hạn chế đến mức thấp nhất sử dụng hình thức pháp lệnh để ban hành quy phạm pháp luật; luật hoá đến mức tối đa những vấn đề quan trọng của đất nước thuộc thẩm quyền quyết định của Quốc hội. Tăng cường xây dựng các đạo luật có nội dung cụ thể, hiệu lực trực tiếp; khắc phục tình trạng luật thiếu tính ổn định, chậm ban hành văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành. Tăng cường kiểm tra, giám sát, xử lý văn bản quy phạm pháp luật trái pháp luật; siết chặt kỷ luật, kỷ cương, đề cao trách nhiệm, nhất là trách nhiệm người đứng đầu, kiên quyết chống tiêu cực, "lợi ích nhóm" trong công tác xây dựng pháp luật.

- Tiếp tục đổi mới công tác phổ biến, giáo dục pháp luật. Xây dựng mạng lưới, nâng cao năng lực của hệ thống dịch vụ pháp lý, trợ giúp pháp lý và hỗ trợ pháp lý để người dân và doanh nghiệp dễ tiếp cận pháp luật. Đổi mới cơ chế thi hành pháp luật, gắn kết chặt chẽ giữa xây dựng pháp luật với thực hiện pháp luật, bảo đảm pháp luật được thực hiện công bằng, nghiêm minh, nhất quán, kịp thời, hiệu lực, hiệu quả. Xác định rõ trách nhiệm của tổ chức, cá nhân, nhất là trách nhiệm của người đứng đầu trong tổ chức thi hành pháp luật. Hoàn thiện các quy định về giải thích pháp luật. Tăng cường giám sát, kiểm tra, thanh tra, phát hiện và xử lý nghiêm minh, kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật; tăng cường thi hành pháp luật trong các lĩnh vực quan trọng liên quan đến lợi ích thiết yếu của người dân; hoàn thiện cơ chế tiếp nhận, xử lý kịp thời, hiệu quả kiến nghị, phản ánh của người dân, doanh nghiệp.

- Phát triển nguồn nhân lực pháp luật, hiện đại hoá phương thức, phương tiện xây dựng pháp luật và tổ chức thực hiện pháp luật. Củng cố, kiện toàn tổ chức pháp chế, tổ chức làm công tác pháp luật; nâng cao năng lực, trình độ, bản lĩnh chính trị của đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác xây dựng và thi hành pháp luật. Phát triển khoa học pháp lý, nâng cao chất lượng các cơ sở nghiên cứu và đào tạo pháp luật. Có cơ chế thích hợp bảo đảm và tăng cường nguồn lực đầu tư, đổi mới cơ chế phân bổ, sử dụng hiệu quả kinh phí xây dựng và thi hành pháp luật.

4. Tiếp tục đổi mới tổ chức và nâng cao chất lượng hoạt động của Quốc hội

- Tiếp tục xây dựng Quốc hội thực sự là cơ quan đại biểu cao nhất của Nhân dân, đại diện cho ý chí, nguyện vọng của Nhân dân, là cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất; phát huy tính dân chủ, pháp quyền, hiện đại, chuyên nghiệp, khoa học, công khai, minh bạch, hiệu lực, hiệu quả trong tổ chức và hoạt động,

bảo đảm Quốc hội thực hiện tốt chức năng lập pháp, quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước, giám sát tối cao đối với hoạt động của Nhà nước.

- Đề cao vai trò trung tâm của đại biểu Quốc hội; nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động, bảo đảm tiêu chuẩn, cơ cấu đại biểu Quốc hội; tăng hợp lý số lượng đại biểu Quốc hội chuyên trách, giảm số lượng đại biểu công tác ở các cơ quan hành pháp, tư pháp. Gắn trách nhiệm của đại biểu Quốc hội với đơn vị bầu cử và cử tri; đổi mới mạnh mẽ nội dung, hình thức tiếp xúc cử tri của đại biểu Quốc hội; hoàn thiện cơ chế giám sát của cử tri và cơ chế, phương thức, tiêu chí đánh giá đối với đại biểu Quốc hội; bảo đảm các điều kiện để đại biểu Quốc hội thực hiện tốt vai trò trung tâm của mình.

- Tiếp tục đổi mới tổ chức, hoạt động của Quốc hội theo hướng nghiên cứu tăng hợp lý số kỳ họp của Quốc hội; kiện toàn tổ chức, nâng cao hiệu quả hoạt động của Ủy ban Thường vụ Quốc hội để thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ do Hiến pháp quy định; đề cao vị trí, vai trò, kiện toàn tổ chức, nâng cao năng lực hoạt động của Hội đồng dân tộc, các uỷ ban của Quốc hội, các cơ quan thuộc Ủy ban Thường vụ Quốc hội theo hướng rành mạch, chủ động, trách nhiệm, chuyên sâu, nhạy bén; hoàn thiện thiết chế Tổng Thư ký Quốc hội, Ban Thư ký Quốc hội; xây dựng Quốc hội điện tử.

- Tiếp tục đổi mới căn bản, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động lập pháp, bảo đảm quản trị quốc gia bằng Hiến pháp và pháp luật, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế.

- Tiếp tục nghiên cứu để xác định rõ hơn phạm vi, đối tượng, phương pháp, hình thức giám sát tối cao của Quốc hội phù hợp thực tiễn; nâng cao chất lượng hoạt động chất vấn, giải trình, giám sát văn bản quy phạm pháp luật, chú trọng việc theo dõi, xem xét, đôn đốc việc thực hiện các kiến nghị sau giám sát; thực hiện nghiêm việc lấy phiếu tín nhiệm của Quốc hội.

- Đổi mới quy trình quyết định về ngân sách nhà nước bảo đảm thực chất, đi đôi với giám sát việc thực hiện ngân sách, từng bước thay thế việc ban hành các nghị quyết bằng các đạo luật về tài chính, ngân sách.

5. Tiếp tục thực hiện tốt thiết chế Chủ tịch nước theo Hiến pháp

Nhận thức đúng, đầy đủ, sâu sắc về vị trí, quyền hạn, nhiệm vụ của Chủ tịch nước với vai trò là nguyên thủ quốc gia. Tiếp tục nghiên cứu làm rõ hơn nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch nước trong vai trò thống lĩnh các lực lượng vũ trang, Chủ tịch Hội đồng quốc phòng và an ninh, trong hoạt động đối nội, đối

ngoại, trong mối quan hệ với Quốc hội, Chính phủ, toà án nhân dân, viện Kiểm sát nhân dân theo quy định của Hiến pháp.

6. Tiếp tục đổi mới tổ chức và hoạt động của Chính phủ, chính quyền địa phương; xây dựng nền hành chính nhà nước phục vụ Nhân dân, chuyên nghiệp, pháp quyền, hiện đại, hiệu lực, hiệu quả

- Tiếp tục đổi mới tổ chức và hoạt động của Chính phủ, chính quyền địa phương theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; tổ chức các bộ, các cơ quan chuyên môn đa ngành, đa lĩnh vực; giảm hợp lý số lượng các bộ, cơ quan ngang bộ và cơ quan chuyên môn thuộc uỷ ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện. Tăng cường vai trò, nâng cao trách nhiệm của bộ trưởng với tư cách thành viên Chính phủ trong quản lý vĩ mô và xây dựng chính sách. Thực hiện nguyên tắc một việc chỉ giao cho một cơ quan chủ trì, chịu trách nhiệm chính, các cơ quan có liên quan phối hợp thực hiện; từng bước xoá bỏ cơ chế phối hợp liên ngành, gắn với việc xác định rõ trách nhiệm của người đứng đầu. Phát huy đầy đủ vị trí, vai trò của Chính phủ là cơ quan hành chính nhà nước cao nhất, thực hiện quyền hành pháp, là cơ quan chấp hành của Quốc hội; đề cao tính chủ động, sáng tạo, tập trung vào quản lý vĩ mô, xây dựng chính sách, pháp luật, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, công cụ kiểm tra, giám sát, bảo đảm tính thống nhất, thông suốt, kỷ luật, kỷ cương, hiệu lực, hiệu quả của nền hành chính quốc gia. Đổi mới quản trị quốc gia theo hướng hiện đại, hiệu lực, hiệu quả, tập trung quản lý phát triển; bảo đảm thượng tôn Hiến pháp và pháp luật, nâng cao tính minh bạch, trách nhiệm giải trình và sự tham gia của người dân.

- Xác định rõ và thực hiện đầy đủ vị trí, vai trò, thẩm quyền, trách nhiệm của Chính phủ trong xây dựng pháp luật, nâng cao năng lực phản ứng chính sách; bảo đảm chủ động tham gia, phối hợp chặt chẽ, tăng cường kiểm soát của Chính phủ đối với nền hành chính quốc gia và việc thực hiện quyền lập pháp.

- Xây dựng nền hành chính phục vụ Nhân dân, dân chủ, pháp quyền, chuyên nghiệp, hiện đại, khoa học, trong sạch, công khai, minh bạch, tạo môi trường thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp. Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, trọng tâm là nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức với ba trụ cột chính: Tổ chức bộ máy; công vụ, công chức; hành chính điện tử và chuyển đổi số. Đơn giản hoá thủ tục hành chính, cắt bỏ các thủ tục không cần thiết, gây phiền hà cho người dân và doanh nghiệp, cản trở cạnh tranh lành mạnh; áp dụng hiệu quả dịch vụ công trực tuyến; xây dựng nền kinh tế số, chính phủ số, xã hội số. Tiếp tục cải cách, nâng cao hiệu quả quản lý tài chính công,

chất lượng dịch vụ công; sắp xếp lại các đơn vị sự nghiệp công lập theo hướng tinh gọn, bảo đảm chất lượng, hoạt động hiệu quả.

- Hoàn thiện tổ chức chính quyền địa phương phù hợp với các địa bàn đô thị, nông thôn, miền núi, hải đảo, đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt; giảm cấp chính quyền phù hợp ở một số địa phương; xây dựng mô hình quản trị chính quyền địa phương phù hợp với từng địa bàn, gắn với yêu cầu phát triển các vùng, khu kinh tế.

- Tiếp tục sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã; nghiên cứu thí điểm sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh phù hợp với quy hoạch tổng thể các đơn vị hành chính của quốc gia và từng địa phương; xây dựng cơ chế, thể chế, chính sách đặc thù thúc đẩy phát triển vùng, liên kết vùng đủ mạnh, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh của đất nước.

- Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền khoa học, hợp lý, đi đôi với nâng cao trách nhiệm, gắn với bảo đảm nguồn lực, năng lực thực hiện pháp luật cho các địa phương và các bộ; tăng cường kiểm tra, giám sát; bảo đảm quản lý thống nhất của Chính phủ, phát huy vai trò chủ động, sáng tạo, tự chịu trách nhiệm của từng địa phương và các bộ. Xác định rõ trách nhiệm giữa Chính phủ với các bộ; giữa các bộ với nhau; giữa Chính phủ, các bộ với chính quyền địa phương; khắc phục triệt để tình trạng chồng chéo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn; phân định rõ trách nhiệm giữa cá nhân và tập thể, đề cao vai trò, trách nhiệm cá nhân, nhất là người đứng đầu trong các cơ quan hành chính nhà nước.

- Tập trung phát triển toàn diện và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu của nền hành chính quốc gia; cải cách mạnh mẽ chế độ công vụ, công chức; hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn chức danh, vị trí việc làm, tiêu chuẩn nghiệp vụ, tiêu chí đánh giá cán bộ, công chức, viên chức dựa trên kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao bằng sản phẩm cụ thể và sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp.

7. Xây dựng nền tư pháp chuyên nghiệp, hiện đại, công bằng, nghiêm minh, liêm chính, phụng sự Tổ quốc, phục vụ Nhân dân

- Hoàn thiện chính sách, pháp luật liên quan đến tư pháp, bảo đảm tôn trọng và bảo vệ quyền con người, quyền công dân. Hoàn thiện cơ chế phòng ngừa, ngăn chặn, xử lý mọi hành vi can thiệp trái pháp luật vào hoạt động tư

pháp; bảo đảm tính độc lập của toà án theo thẩm quyền xét xử, thẩm phán, hội thẩm xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật.

- Xây dựng chế định tổ tụng tư pháp lấy xét xử là trung tâm, tranh tụng là đột phá; bảo đảm tổ tụng tư pháp dân chủ, công bằng, văn minh, pháp quyền, hiện đại, nghiêm minh, dễ tiếp cận, bảo đảm và bảo vệ quyền con người, quyền công dân. Áp dụng hiệu quả thủ tục tổ tụng tư pháp rút gọn; kết hợp các phương thức phi tổ tụng tư pháp với các phương thức tổ tụng tư pháp. Đổi mới và nâng cao hiệu quả cơ chế Nhân dân tham gia xét xử tại toà án. Tổng kết thực tiễn, nghiên cứu hoàn thiện quy định pháp luật về khởi kiện vụ án dân sự trong trường hợp chủ thể các quyền dân sự là nhóm dễ bị tổn thương hoặc trường hợp liên quan đến lợi ích công nhưng không có người đứng ra khởi kiện.

- Hoàn thiện cơ chế để khắc phục tình trạng quan hệ giữa các cấp toà án là quan hệ hành chính, bảo đảm độc lập giữa các cấp xét xử và độc lập của thẩm phán, hội thẩm khi xét xử. Phân định rõ nhiệm vụ xét xử sơ thẩm, xét xử phúc thẩm, xét lại bản án, quyết định theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm; xây dựng toà án điện tử. Xác định thẩm quyền của toà án để thực hiện đầy đủ, đúng đắn quyền tư pháp; mở rộng thẩm quyền của toà án trong xét xử các vi phạm hành chính, quyết định một số vấn đề liên quan đến quyền con người, quyền công dân. Nghiên cứu làm rõ thẩm quyền hội đồng xét xử khởi tố vụ án tại phiên toà, những trường hợp toà án thu thập chứng cứ trong hoạt động xét xử.

- Hoàn thiện thể chế để viện kiểm sát nhân dân thực hiện tốt chức năng thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp; hoàn thiện cơ chế tăng cường trách nhiệm công tố trong hoạt động điều tra, tăng cường kiểm soát bên trong việc thực hành quyền công tố, kiểm sát hoạt động xét xử phù hợp với nguyên tắc thẩm phán, hội thẩm xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật.

- Tiếp tục rà soát, điều chỉnh, hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của cơ quan điều tra và các cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra theo hướng tinh, gọn, chuyên nghiệp, chất lượng, hiệu lực, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ được giao và góp phần bảo đảm quyền con người, quyền công dân đối với người bị giữ, bị bắt, tạm giữ, tạm giam theo quy định của pháp luật. Nghiên cứu hoàn thiện cơ chế cơ quan điều tra kiến nghị xem xét, giải quyết trường hợp các lệnh, quyết định tổ tụng của cơ quan điều tra bị viện kiểm sát huỷ bỏ hoặc không phê chuẩn không phù hợp với quy định của pháp luật.

- Tiếp tục đổi mới tổ chức và hoạt động của hệ thống cơ quan thi hành án. Hoàn thiện cơ chế thi hành án hình sự theo hướng nâng cao hơn nữa hiệu quả công tác quản lý giáo dục, cải tạo phạm nhân, quản lý, giám sát, giáo dục người chấp hành án hình sự tại cộng đồng; bảo đảm và bảo vệ tốt hơn quyền con người, quyền công dân đối với người chấp hành án theo quy định của pháp luật. Hoàn thiện cơ chế nâng cao chất lượng, hiệu quả thi hành án dân sự, hành chính theo hướng rút ngắn thời gian, giảm thiểu chi phí. Nâng cao hiệu quả phối hợp giữa các cơ quan trong thi hành án hình sự, dân sự và hành chính; thực hiện xã hội hoá một số hoạt động thi hành án dân sự với cơ chế bảo đảm và lộ trình phù hợp.

- Hoàn thiện thể chế về luật sư và hành nghề luật sư, bảo đảm để luật sư thực hiện tốt quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm theo quy định của pháp luật. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và trách nhiệm tự quản của tổ chức xã hội - nghề nghiệp đối với luật sư, tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong hoạt động hành nghề luật sư. Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng, xây dựng và phát triển đội ngũ luật sư có bản lĩnh chính trị vững vàng, đạo đức nghề nghiệp trong sáng, am hiểu pháp luật, giỏi về kỹ năng hành nghề và ngoại ngữ, đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp và hội nhập quốc tế. Cùng cố hội luật gia các cấp, nâng cao vai trò, trách nhiệm của thành viên hội luật gia trong thực hiện nhiệm vụ đúng quy định pháp luật.

- Tiếp tục hoàn thiện cơ chế huy động nguồn lực để xã hội hoá và phát triển các lĩnh vực công chứng, hoà giải, trọng tài, thừa phát lại, giám định tư pháp; xây dựng đội ngũ hành nghề công chứng, hoà giải, trọng tài, thừa phát lại, giám định tư pháp đủ về số lượng và bảo đảm chất lượng, hoạt động chuyên nghiệp, tuân thủ pháp luật và chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, đáp ứng tốt nhu cầu của xã hội.

- Nâng cao vai trò, tính chuyên nghiệp và chất lượng trợ giúp pháp lý, nhất là trong hoạt động tố tụng tư pháp; hiện đại hoá, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong hệ thống trợ giúp pháp lý; mở rộng đối tượng được trợ giúp pháp lý phù hợp với điều kiện của đất nước.

- Phát triển nhân lực tư pháp đủ số lượng, bảo đảm chất lượng, có cơ cấu hợp lý. Nâng cao chất lượng đào tạo nhân lực tư pháp; rà soát, sắp xếp hợp lý các cơ sở đào tạo cử nhân luật. Xác định rõ hệ tiêu chuẩn về chuyên môn nghiệp vụ, bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp, kiến thức

pháp luật, kinh tế, xã hội và kinh nghiệm thực tiễn đối với từng chức danh, nhân lực tư pháp. Mở rộng nguồn, đẩy mạnh thực hiện cơ chế thi tuyển để bổ nhiệm các chức danh tư pháp. Đổi mới chính sách, chế độ tiền lương, thời hạn bổ nhiệm và cơ chế bảo đảm để đội ngũ cán bộ tư pháp yên tâm công tác, liêm chính, công tâm, chuyên nghiệp, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới, nhất là đối với đội ngũ thẩm phán.

8. Hoàn thiện cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước; đẩy mạnh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực

- Hoàn thiện cơ chế thực thi quyền lực nhà nước, xác định rõ hơn vai trò, vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể của mỗi cơ quan và mối quan hệ giữa các cơ quan nhà nước trong thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp; bảo đảm quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công rành mạch, phối hợp chặt chẽ và tăng cường kiểm soát quyền lực bên trong mỗi cơ quan và giữa các cơ quan nhà nước, giữa Trung ương và địa phương, giữa các cấp chính quyền địa phương và giữa các cơ quan trong cùng một cấp chính quyền. Quy định rõ hơn thẩm quyền, trách nhiệm của cơ quan hành pháp trong kiểm soát các cơ quan thực hiện quyền lập pháp, quyền tư pháp; của cơ quan tư pháp trong kiểm soát các cơ quan thực hiện quyền hành pháp, quyền lập pháp. Mọi quyền lực phải được kiểm soát chặt chẽ bằng cơ chế, phải được ràng buộc bằng trách nhiệm, quyền lực đến đâu trách nhiệm đến đó, quyền lực càng cao trách nhiệm càng lớn; lạm dụng, lợi dụng quyền lực phải bị truy cứu trách nhiệm và xử lý. Kiểm soát quyền lực gắn với siết chặt kỷ luật, kỷ cương trong hoạt động của Nhà nước và cán bộ, công chức, viên chức.

- Kết hợp chặt chẽ, hiệu quả các cơ chế kiểm tra, giám sát, kiểm soát quyền lực nhà nước của Đảng, Nhà nước và Nhân dân; thực hiện đầy đủ nguyên tắc tập trung dân chủ, trách nhiệm giải trình, công khai, minh bạch trong từng cơ quan nhà nước. Tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ quan kiểm tra đảng, cơ quan tham mưu, giúp việc của Đảng, cơ quan thanh tra, kiểm toán nhà nước. Hoàn thiện cơ chế để Nhân dân trực tiếp kiểm soát quyền lực nhà nước; bảo đảm quyền tiếp cận thông tin, quyền kiến nghị, phản ánh,

khuyến nại, tố cáo và các quyền khác của công dân theo quy định của Hiến pháp và pháp luật. Phát huy hơn nữa vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể và các cơ quan báo chí trong giám sát, kiểm soát quyền lực nhà nước.

- Kiên quyết, kiên trì đấu tranh, ngăn chặn, đẩy lùi tham nhũng, tiêu cực. Nghiên cứu thành lập các thiết chế mới về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; ban hành các quy định về kiểm soát quyền lực để phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án; trong công tác xây dựng pháp luật và quản lý, sử dụng tài chính, tài sản công. Hình thành cơ chế phòng ngừa chặt chẽ để không thể tham nhũng, tiêu cực; phát hiện, xử lý kịp thời, nghiêm minh các hành vi tham nhũng, tiêu cực để không dám tham nhũng, tiêu cực; đẩy mạnh cải cách chính sách tiền lương, nâng cao đời sống của cán bộ, công chức, viên chức; xây dựng văn hoá liêm chính, tiết kiệm để không cần, không muốn tham nhũng, tiêu cực.

9. Tăng cường, chủ động hội nhập quốc tế đáp ứng yêu cầu xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới

- Tiếp tục hoàn thiện cơ chế để chủ động, tích cực hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng, thực chất, hiệu quả, thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hoà bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển; bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản của Hiến chương Liên hợp quốc và pháp luật quốc tế; giữ vững độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, an ninh quốc gia, chế độ xã hội chủ nghĩa. Chủ động tham gia, đóng góp vào việc xây dựng, định hình các thể chế đa phương và trật tự quốc tế, khu vực. Hoàn thiện pháp luật điều chỉnh mối quan hệ giữa pháp luật Việt Nam và pháp luật quốc tế; giải quyết hiệu quả các xung đột về thẩm quyền và pháp luật giữa Việt Nam và các quốc gia khác, bảo đảm tốt các quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của cá nhân, tổ chức, cơ quan nhà nước Việt Nam. Hoàn thiện cơ chế và nâng cao năng lực của các cơ quan, tổ chức có liên quan, thực hiện đầy đủ, hiệu quả các cam kết, điều ước quốc tế mà Việt Nam đã ký kết hoặc tham gia.

- Nâng cao hiệu quả, chất lượng đào tạo nhân lực hợp tác pháp luật quốc tế; xây dựng cơ chế thúc đẩy sự tham gia và hiện diện của chuyên gia pháp luật Việt Nam trong các thiết chế pháp luật quốc tế; hoàn thiện cơ chế pháp lý về bảo hộ, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của công dân, pháp nhân Việt Nam ở nước ngoài.

- Tăng cường công tác thông tin đối ngoại về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, những thành tựu trong xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm và bảo vệ quyền con người, quyền công dân của Việt Nam.

10. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Nhân dân trong xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam

- Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện, thống nhất của Đảng, phát huy trách nhiệm, tính chủ động, sáng tạo và hiệu lực, hiệu quả trong quản lý, điều hành của Nhà nước. Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện nghị quyết của Đảng. Tăng cường lãnh đạo xây dựng tổ chức bộ máy, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức các cấp đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Phát huy vai trò nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu. Chú trọng lãnh đạo đổi mới, nâng cao chất lượng lập pháp, cải cách hành chính và cải cách tư pháp. Tiếp tục cụ thể hoá phương thức lãnh đạo của Đảng thông qua việc ban hành, sửa đổi, bổ sung các quy chế, quy định, quy trình cụ thể, công khai để cán bộ, đảng viên và Nhân dân biết, giám sát việc thực hiện. Tăng cường kiểm tra, giám sát việc cụ thể hoá, thể chế hoá và tổ chức thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng; khắc phục triệt để tình trạng thực hiện không đầy đủ, không nghiêm, không hiệu quả.

- Tiếp tục cụ thể hoá, thể chế hoá, hoàn thiện, thực hiện tốt cơ chế "*Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ*" và phương châm "*dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng*". Mọi chủ trương,

đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đều vì lợi ích và hạnh phúc của Nhân dân; phát huy đầy đủ quyền làm chủ, tính tích cực, sáng tạo của Nhân dân. Hoàn thiện cơ chế để phát huy vai trò của Nhân dân tham gia xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, các quy định cụ thể để tăng cường và bảo đảm Đảng gắn bó mật thiết với Nhân dân, phục vụ Nhân dân, chịu sự giám sát của Nhân dân, chịu trách nhiệm trước Nhân dân về những quyết định của mình; bảo đảm các tổ chức đảng và đảng viên hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật, thực sự gương mẫu, đi đầu trong việc tuân thủ Hiến pháp và pháp luật.

- Tiếp tục đổi mới tổ chức bộ máy, cơ chế hoạt động, phát huy đầy đủ, hiệu quả vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể trong xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Xây dựng và hoàn thiện cơ chế để Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội thực hiện tốt vai trò nòng cốt trong việc phát huy quyền làm chủ của Nhân dân, giám sát, phản biện xã hội, tham gia xây dựng Đảng, Nhà nước, kiểm soát quyền lực nhà nước và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, góp phần tăng cường sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

V- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Bộ Chính trị ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết; lãnh đạo, chỉ đạo triển khai đồng bộ, kịp thời, hiệu quả, tạo chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức, hành động của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội về xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2. Các tỉnh uỷ, thành uỷ, các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng uỷ trực thuộc Trung ương tổ chức nghiên cứu, học tập, quán triệt, xây dựng chương trình, kế hoạch và tổ chức thực hiện Nghị quyết.

3. Đảng đoàn Quốc hội, Ban cán sự đảng Chính phủ, Ban cán sự đảng Toà án nhân dân tối cao, Ban cán sự đảng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao chỉ đạo rà soát sửa đổi, bổ sung các văn bản pháp luật có liên quan, bảo đảm đồng bộ, thống nhất, tạo cơ sở pháp lý thực hiện nhiệm vụ xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam và giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

4. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội tăng cường công tác-giám sát, phản biện xã hội, đẩy mạnh vận động các tầng lớp Nhân dân tích cực tham gia xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam và giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

5. Ban Tuyên giáo Trung ương chủ trì, phối hợp với Ban Nội chính Trung ương giúp Bộ Chính trị, Ban Bí thư hướng dẫn, tổ chức nghiên cứu, học tập, quán triệt, tuyên truyền, phổ biến về Nghị quyết; chỉ đạo các cơ quan báo chí tăng cường tuyên truyền về Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam và quá trình thực hiện Nghị quyết.

6. Ban Nội chính Trung ương chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thường xuyên đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết; định kỳ sơ kết, tổng kết, báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

**T/M BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
TỔNG BÍ THƯ**

Đã ký: Nguyễn Phú Trọng

**ĐẢNG ỦY KHỐI
DOANH NGHIỆP TRUNG ƯƠNG**

Số 69-SL/ĐUK

Nơi nhận:

- Các đồng chí Ủy viên BCH ĐBK,
- Các ban, đơn vị Đảng ủy Khối,
- Các đảng ủy trực thuộc,
- Lưu Văn thư.

Hà Nội, ngày 28 tháng 11 năm 2022

Sao lục

Để quán triệt, triển khai, thực hiện

**T/L BAN THƯỜNG VỤ
CHÍNH VĂN PHÒNG**



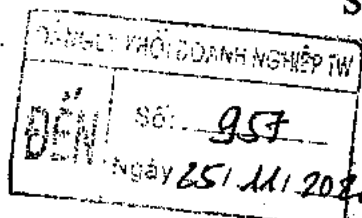
Vũ Đức Tú

BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG

DẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

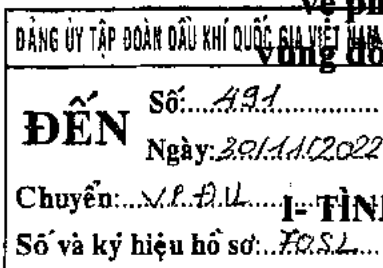
Số 30-NQ/TW

Hà Nội, ngày 23 tháng 11 năm 2022



**NGHỊ QUYẾT
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ**

**về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh
vùng đồng bằng Sông Hồng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045**



I- TÌNH HÌNH

Thực hiện Nghị quyết số 54-NQ/TW của Bộ Chính trị khoá IX và Kết luận số 13-KL/TW của Bộ Chính trị khoá XI về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng Sông Hồng, các cấp, các ngành, nhất là các địa phương trong vùng đã nhận thức ngày càng rõ hơn về vai trò, vị trí, tầm quan trọng của vùng; khai thác tốt các tiềm năng, lợi thế, tiếp tục khẳng định vai trò là vùng kinh tế động lực, đóng góp quan trọng vào tăng trưởng kinh tế của cả nước. Một số địa phương phát triển bứt phá, trở thành điểm sáng của vùng và cả nước. Kinh tế vùng tăng trưởng bình quân giai đoạn 2005 - 2020 đạt 7,94%/năm, cao hơn mức bình quân cả nước; quy mô kinh tế tăng nhanh, năm 2020 đạt 2,37 triệu tỉ đồng, chiếm 29,4% GDP cả nước; GRDP bình quân đầu người đạt 103,6 triệu đồng/năm, gấp 1,3 lần bình quân cả nước. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch tích cực, khu vực công nghiệp - xây dựng và dịch vụ giữ vai trò trụ cột. Thu hút đầu tư nước ngoài tăng mạnh. Đô thị phát triển nhanh, tỉ lệ đô thị hoá trên 41%. Chương trình xây dựng nông thôn mới đạt thành tựu nổi bật, 99,2% số xã đạt chuẩn nông thôn mới. Kinh tế biển phát triển khá, đặc biệt thành phố Hải Phòng và tỉnh Quảng Ninh dần trở thành trung tâm kinh tế biển lớn. Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ phát triển mạnh mẽ, đi đầu trong thực hiện các đột phá chiến lược và đổi mới mô hình tăng trưởng. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội được tập trung đầu tư và phát triển khá đồng bộ, hiện đại, nhất là hạ tầng giao thông; phát huy tốt vai trò của các hành lang, vành đai kinh tế. Quản lý, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường được chú trọng; chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu. Văn hoá - xã hội được quan tâm phát triển; các giá trị văn hoá được bảo tồn và phát huy; quy mô, chất lượng giáo dục - đào tạo, y tế được nâng lên rõ rệt, dẫn đầu cả nước. Nguồn nhân lực cơ bản đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động, tỉ lệ lao động qua đào tạo tăng nhanh. Khoa học - công

nghệ được ứng dụng mạnh mẽ. Đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân được nâng lên rõ rệt, tỉ lệ hộ nghèo giảm nhanh. Trật tự, an toàn xã hội được bảo đảm; quốc phòng, an ninh được giữ vững, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ quốc gia. Công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị được đẩy mạnh; hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước được nâng cao.

Tuy nhiên, tăng trưởng kinh tế của vùng chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế; chuyển dịch cơ cấu các ngành kinh tế còn chậm; các địa phương phát triển không đồng đều, tăng trưởng phụ thuộc nhiều vào vốn và lao động. Cơ cấu thu ngân sách ở một số địa phương chưa bền vững. Công tác quy hoạch còn nhiều bất cập, nhất là quy hoạch đô thị; tình trạng quy hoạch "treo", dự án "treo" còn khá phổ biến. Hệ thống đô thị phát triển chưa hợp lý, thiếu bền vững; phát triển nhà ở xã hội chưa đáp ứng yêu cầu; các khu công nghiệp thiếu liên kết, chưa hình thành được các cụm liên kết ngành. Đầu tư công còn dàn trải, hiệu quả chưa cao, một số dự án chậm tiến độ, thua lỗ. Quản lý đất đai, tài nguyên còn nhiều hạn chế; ô nhiễm môi trường ngày càng phức tạp, nhất là nước thải, chất thải nguy hại. Phát triển văn hoá - xã hội nhiều mặt còn bất cập; đào tạo nhân lực chất lượng cao chưa đáp ứng yêu cầu phát triển; chất lượng y tế cơ sở, y tế dự phòng yếu, chưa được chú trọng, tình trạng quá tải ở các bệnh viện tuyến cuối chưa được khắc phục. Liên kết, hợp tác giữa các địa phương trong vùng chưa chặt chẽ, hiệu quả thấp. Nhiệm vụ phát triển thành phố Nam Định thành đô thị hạt nhân của tiểu vùng Nam đồng bằng Sông Hồng và xây dựng Khu kinh tế tổng hợp Vân Đồn (Quảng Ninh) chưa hoàn thành. An ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội còn tiềm ẩn những yếu tố phức tạp. Công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị, năng lực quản lý nhà nước ở một số địa phương còn hạn chế.

Những hạn chế, yếu kém trên chủ yếu là do: Nhận thức về vị trí, vai trò của vùng và phát triển vùng chưa đầy đủ; thể chế, liên kết vùng chậm được đổi mới. Thiếu cơ chế, chính sách gắn kết giữa mục tiêu phát triển của địa phương với mục tiêu chung của vùng. Chất lượng quy hoạch vùng và địa phương trong vùng thấp, thiếu liên kết; tình trạng tùy tiện trong điều chỉnh quy hoạch diễn ra khá phổ biến. Nguồn lực bố trí thực hiện các công trình, dự án có tính liên kết vùng gặp khó khăn. Phối hợp giữa các bộ, ngành, địa phương có lúc, có nơi chưa kịp thời, thiếu chặt chẽ, hiệu quả chưa cao. Năng lực, trách nhiệm của một bộ phận cán bộ, công chức chưa đáp ứng yêu cầu phát triển, chưa phát huy đầy đủ trách nhiệm người đứng đầu ở một số cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương.

II- QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU

1. Quan điểm

- Vùng đồng bằng Sông Hồng là địa bàn chiến lược đặc biệt quan trọng về chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội, môi trường, quốc phòng, an ninh và đối ngoại của cả nước; nơi lưu giữ nhiều giá trị văn hoá, lịch sử đặc sắc của dân tộc. Khai thác tối đa tiềm năng, lợi thế vượt trội để phát triển nhanh, bền vững vùng đồng bằng Sông Hồng thực sự là vùng động lực phát triển hàng đầu, có vai trò định hướng, dẫn dắt quá trình cơ cấu lại nền kinh tế và chuyển đổi mô hình tăng trưởng của đất nước.

- Phát triển vùng phải phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, hệ thống quy hoạch quốc gia. Hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách thúc đẩy liên kết và phát triển vùng đủ mạnh, thiết thực, hiệu quả; thí điểm một số mô hình, cơ chế, chính sách mới; tăng cường liên kết nội vùng, liên vùng; phát huy vai trò và khai thác hiệu quả các hành lang, vành đai kinh tế, cực tăng trưởng, trung tâm kinh tế, hệ thống đô thị để tạo đột phá phát triển vùng.

- Khai thác và phát huy các thế mạnh của vùng về địa chính trị, địa kinh tế, điều kiện tự nhiên, các giá trị văn hoá, lịch sử; huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực, nhất là đất đai, nhân lực chất lượng cao; phát triển nhanh mạng lưới đô thị với kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại; đi đầu trong ứng dụng khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, phát triển kinh tế số, xã hội số; cải cách thủ tục hành chính, tạo môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi, thu hút nguồn lực đầu tư từ các thành phần kinh tế để tập trung phát triển các ngành sản xuất công nghiệp, dịch vụ hiện đại và nông nghiệp công nghệ cao, hữu cơ, xanh, tuần hoàn, bảo đảm đồng bằng Sông Hồng trở thành vùng phát triển hiện đại, văn minh, sinh thái dẫn đầu cả nước.

- Phát triển kinh tế hài hoà với phát triển văn hoá, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; bảo đảm bình đẳng trong tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản. Giữ gìn, phát huy bản sắc văn hoá, giá trị lịch sử, nhất là văn hoá đồng bằng Bắc Bộ. Phát triển hệ thống y tế, giáo dục - đào tạo chất lượng cao, hiện đại, tương đương với các quốc gia phát triển trong khu vực. Nâng cao đời sống vật chất, tinh thần và hạnh phúc của Nhân dân, bảo đảm an sinh xã hội, thu hẹp khoảng cách phát triển giữa nông thôn và thành thị. Chú trọng bảo vệ môi trường, chủ động phòng, chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo đảm quốc phòng, an ninh. Nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế.

Tiếp tục đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị thực sự trong sạch, vững mạnh toàn diện. Nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của các cấp uỷ, tổ chức đảng; hiệu lực, hiệu quả quản lý của các cấp chính quyền; đẩy mạnh phân công, phối hợp và phân cấp, phân quyền gắn với kiểm tra, giám sát và kiểm soát quyền lực, đẩy mạnh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; tăng cường, phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân.

2. Mục tiêu đến năm 2030

Đồng bằng Sông Hồng là vùng phát triển nhanh, bền vững, có cơ cấu kinh tế hợp lý, mang đậm bản sắc văn hoá dân tộc; tập trung phát triển công nghiệp, dịch vụ hiện đại và nông nghiệp công nghệ cao, hữu cơ, xanh, tuần hoàn có giá trị kinh tế cao; trở thành trung tâm giáo dục, đào tạo nhân lực chất lượng cao của cả nước; đi đầu về phát triển khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, kinh tế số, xã hội số; có hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, hiện đại, đô thị thông minh, có tính kết nối cao. Tình trạng ô nhiễm môi trường, ùn tắc giao thông và ngập úng cơ bản được giải quyết. Tổ chức đảng, hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, hiệu lực, hiệu quả; khối đại đoàn kết toàn dân tộc được tăng cường; quốc phòng, an ninh được giữ vững; quan hệ đối ngoại mở rộng, hội nhập quốc tế hiệu quả. Đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân được nâng cao, dẫn đầu cả nước. Xây dựng Thủ đô Hà Nội "Văn hiến - Văn minh - Hiện đại", trở thành trung tâm, động lực thúc đẩy phát triển vùng và cả nước, phân đầu ngang tầm thủ đô các nước phát triển trong khu vực.

3. Một số chỉ tiêu cụ thể đến năm 2030

- Giai đoạn 2021 - 2030, tăng trưởng GRDP đạt bình quân khoảng 9%/năm. Đến năm 2030, GRDP vùng tăng khoảng 3 lần so với năm 2020 (giá hiện hành), trong đó nông, lâm và thủy sản chiếm khoảng 3,5%; công nghiệp - xây dựng chiếm khoảng 47%; dịch vụ chiếm khoảng 41%, thuế sản phẩm trừ trợ cấp chiếm khoảng 8,5%. GRDP bình quân đầu người đạt khoảng 274 triệu đồng/người/năm. Tốc độ tăng năng suất lao động bình quân đạt trên 7%. Đóng góp bình quân của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng giai đoạn 2021 - 2030 đạt 55%. Kinh tế số đạt khoảng 35% GRDP. Tỷ lệ đô thị hoá đạt trên 55%; có 100% số xã đạt chuẩn nông thôn mới, trong đó có ít nhất 50% số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; 20% số xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu.

- Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia: Mầm non đạt 76%, tiểu học đạt 95%, trung học cơ sở đạt 90%, trung học phổ thông đạt 68%. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt khoảng 48 - 52%, tỷ lệ thất nghiệp duy trì ở mức

dưới 3%. Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn đa chiều giảm khoảng 1,5%/năm. Đạt 32 giường bệnh và 11 bác sĩ/vạn dân. Tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế đạt trên 95% dân số.

- Tỷ lệ hộ gia đình được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn ở thành thị đạt 100%, ở nông thôn đạt 85%; 100% khu công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường; tỷ lệ thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn đạt 95%; tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, xử lý theo quy định đạt 98%. Giảm 9% lượng phát thải khí nhà kính.

4. Tầm nhìn đến năm 2045

Đồng bằng Sông Hồng là vùng phát triển hiện đại, văn minh, sinh thái; là trung tâm kinh tế, tài chính lớn mang tầm khu vực và thế giới; trung tâm hàng đầu của cả nước về văn hoá, giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, y tế và chăm sóc sức khoẻ Nhân dân; có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, hiện đại, thông minh. Hệ thống đô thị liên kết thành mạng lưới, thông minh, xanh, bền vững. Người dân có thu nhập cao, cuộc sống thịnh vượng, hạnh phúc. Quốc phòng, an ninh được bảo đảm vững chắc. Các tổ chức đảng, hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; khối đại đoàn kết toàn dân tộc được tăng cường. Thủ đô Hà Nội trở thành thành phố kết nối toàn cầu, ngang tầm thủ đô các nước phát triển trong khu vực và thế giới.

III- NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tập trung hoàn thiện thể chế, chính sách phát triển và đẩy mạnh liên kết vùng

- Quán triệt, thống nhất cao về nhận thức và hành động ở tất cả các cấp, các ngành, các địa phương về vai trò, vị trí và tầm quan trọng đặc biệt của vùng và liên kết vùng; coi liên kết phát triển vùng là xu thế tất yếu, là động lực kết nối và dẫn dắt sự phát triển của các địa phương trong vùng.

- Hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển vùng mang tính đột phá; xây dựng thể chế liên kết vùng đủ mạnh, bảo đảm hiệu quả điều phối, liên kết phát triển vùng, tập trung vào một số lĩnh vực như quy hoạch, phát triển hạ tầng, xúc tiến đầu tư, xử lý các vấn đề môi trường nội vùng và liên vùng, phát triển các cụm liên kết ngành. Nghiên cứu, ban hành cơ chế, chính sách về tài chính, ngân sách, đầu tư để khuyến khích, nuôi dưỡng và phát triển nguồn thu, tạo nguồn lực, động lực phát triển mới cho Thủ đô, vùng Thủ đô và toàn vùng; cho phép

các địa phương được sử dụng ngân sách địa phương đầu tư cho các dự án vùng, liên vùng.

- Khẩn trương hoàn thiện, phê duyệt quy hoạch vùng và quy hoạch từng địa phương trong vùng giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Tổ chức không gian phát triển vùng bảo đảm cân bằng, bền vững, kết nối hiệu quả các hành lang, vành đai kinh tế, các cực tăng trưởng và hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là hạ tầng giao thông. Quy hoạch các địa phương bảo đảm phù hợp với quy hoạch vùng; xây dựng và triển khai hiệu quả các chuỗi giá trị ngành, sản phẩm. Quy hoạch các địa phương có biển phù hợp với quy hoạch không gian biển quốc gia và Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam, bảo đảm tính liên kết giữa vùng bảo vệ - bảo tồn, vùng đệm và vùng phát triển kinh tế - xã hội. Công khai, thực hiện nghiêm và hiệu quả các quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, thành phố; giữ nghiêm kỷ cương quy hoạch, tăng cường giám sát, kiểm tra, xử lý kịp thời các vi phạm về quy hoạch. Rà soát, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất phù hợp với các quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất quốc gia; quản lý, sử dụng hiệu quả quỹ đất.

- Tiếp tục phát triển vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ là đầu tàu, động lực thúc đẩy phát triển vùng đồng bằng Sông Hồng; phát triển công nghiệp chế tạo, chế biến có giá trị gia tăng cao, công nghiệp công nghệ cao, kinh tế số, tài chính, ngân hàng, du lịch và đô thị thông minh. Vùng Nam đồng bằng Sông Hồng phát triển các ngành nông nghiệp công nghệ cao, hữu cơ, tuần hoàn; công nghiệp bảo quản, chế biến nông sản, công nghiệp hỗ trợ, năng lượng tái tạo, năng lượng sạch; phát triển các khu kinh tế ven biển, du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, du lịch văn hoá, tâm linh gắn với bảo vệ môi trường.

- Thực hiện thí điểm một số mô hình, cơ chế, chính sách mới vượt trội, cạnh tranh quốc tế cao nhằm phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế của vùng và tam giác động lực tăng trưởng Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh. Tập trung đầu tư phát triển các hành lang kinh tế, tăng cường liên kết nội vùng, liên vùng, quốc tế gồm: Hành lang kinh tế Bắc - Nam; Hành lang kinh tế Côn Minh (Trung Quốc) - Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh; Hành lang kinh tế Nam Ninh (Trung Quốc) - Lạng Sơn - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh; Hành lang kinh tế ven biển Quảng Ninh - Hải Phòng - Thái Bình - Nam Định - Ninh Bình.

2. Phát triển kinh tế vùng

- Đẩy mạnh cơ cấu lại kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, tăng năng suất lao động và năng suất các nhân tố tổng hợp dựa trên nền tảng ứng

dụng mạnh mẽ khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, phát huy vai trò đầu tàu, động lực của các tỉnh, thành phố trong vùng như Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh. Hình thành, phát triển và nâng cao hiệu quả các trung tâm đổi mới sáng tạo; đẩy mạnh phát triển kinh tế số, xã hội số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn và các mô hình kinh tế mới. Đẩy mạnh phát triển các ngành kinh tế trọng điểm, phấn đấu ngang tầm với các nước phát triển trong khu vực và trên thế giới.

- Phát triển công nghiệp theo hướng hiện đại, công nghệ cao, ít phát thải khí nhà kính, có khả năng cạnh tranh, giá trị gia tăng cao, tham gia sâu, toàn diện vào mạng sản xuất, chuỗi giá trị toàn cầu. Tập trung phát triển các ngành công nghiệp hiện đại, có lợi thế như công nghiệp điện tử, công nghiệp công nghệ số, công nghiệp công nghệ thông tin, công nghiệp phần mềm, trí tuệ nhân tạo, ô tô, công nghiệp hỗ trợ; thúc đẩy phát triển sản xuất thông minh, mô hình nhà máy thông minh. Ưu tiên phát triển một số ngành công nghiệp mới như chip, bán dẫn, robot, công nghiệp môi trường, công nghiệp năng lượng tái tạo, vật liệu mới. Thúc đẩy phát triển các vành đai công nghiệp, hình thành các cụm liên kết ngành và khu công nghiệp chuyên biệt.

- Phát triển nông nghiệp hiệu quả, bền vững, sinh thái theo hướng nông nghiệp công nghệ cao, hữu cơ, tuần hoàn gắn với xây dựng nông thôn mới hiện đại, nông dân văn minh. Phát huy lợi thế nông nghiệp nhiệt đới, sản xuất sản phẩm có giá trị kinh tế cao, đa dạng theo chuỗi giá trị; phát triển kinh tế nông nghiệp gắn với phát triển công nghiệp, dịch vụ, tạo việc làm tại chỗ, nâng cao thu nhập cho cư dân nông thôn. Tập trung phát triển các vùng sản xuất hàng hoá chuyên canh quy mô lớn, chất lượng cao như lúa, rau, hoa, quả đặc sản, cây cảnh; phát triển mạnh chăn nuôi công nghiệp công nghệ cao với các sản phẩm chủ lực như lợn, bò, gia cầm; đẩy mạnh nuôi trồng thủy sản, khai thác hải sản gắn với xây dựng, phát triển thương hiệu. Thúc đẩy chuyển đổi số trong phát triển nông nghiệp, nông thôn; phát triển mạnh công nghiệp chế biến nông sản, công nghiệp sản xuất thiết bị, máy móc, vật tư phục vụ nông nghiệp; hình thành các cụm liên kết sản xuất - chế biến và tiêu thụ nông sản gắn với doanh nghiệp, hợp tác xã. Nâng cao chất lượng rừng đặc dụng, rừng phòng hộ ven biển. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Chương trình xây dựng nông thôn mới, trong đó chú trọng xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu gắn với đô thị hoá. Bảo vệ, giữ gìn môi trường, không gian cảnh quan, gắn phát triển các làng nghề truyền thống với phát triển du lịch.

- Phát triển vùng trở thành trung tâm dịch vụ hiện đại của khu vực Đông Nam Á; trong đó Thủ đô Hà Nội trở thành trung tâm tài chính, thương mại, dịch vụ, du lịch mang tầm khu vực và quốc tế; thành phố Hải Phòng trở thành trung tâm logistics quốc tế hiện đại. Tập trung phát triển dịch vụ tài chính - ngân hàng hiện đại, theo chuẩn mực quốc tế và đa dạng loại hình dịch vụ; cơ cấu lại, nâng cao hiệu quả hoạt động của thị trường tài chính, tiền tệ, bảo đảm minh bạch, bền vững, hội nhập, an toàn hệ thống. Chuyển đổi số toàn diện hệ thống ngân hàng, phát triển các mô hình ngân hàng số, gia tăng tiện ích. Đầu tư phát triển hệ thống logistics, chợ đầu mối hiện đại, thông minh, bền vững; đẩy mạnh thương mại điện tử; hình thành các sàn giao dịch hàng hoá và các cụm, khu vực hội chợ triển lãm. Khai thác hiệu quả các hiệp định thương mại tự do, mở rộng và đa dạng hoá thị trường xuất khẩu, chủ động các biện pháp phòng vệ phù hợp với các cam kết, điều ước quốc tế, bảo đảm cân bằng cán cân xuất nhập khẩu.

- Phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn với sản phẩm đa dạng, độc đáo, gắn với phát huy giá trị của nền văn minh Sông Hồng; chú trọng liên kết giữa ngành du lịch với các ngành, lĩnh vực khác trong chuỗi giá trị sản phẩm du lịch; tiếp tục đầu tư phát triển các khu du lịch quốc gia trong vùng, phấn đấu đến năm 2030 thu hút trên 120 triệu lượt khách. Tỉnh Quảng Ninh trở thành trung tâm du lịch kết nối với khu vực và thế giới.

- Phát triển bền vững kinh tế biển theo hướng tăng trưởng xanh, bảo tồn đa dạng sinh học và các hệ sinh thái biển. Nghiên cứu, ban hành cơ chế, chính sách ưu đãi để xây dựng khu vực Hải Phòng - Quảng Ninh trở thành trung tâm kinh tế biển hiện đại, mang tầm quốc tế, hàng đầu ở Đông Nam Á, là cửa ngõ, động lực phát triển của vùng; chú trọng phát triển kinh tế biển khu vực Thái Bình - Nam Định - Ninh Bình. Đẩy nhanh xây dựng hoàn thiện kết cấu hạ tầng các khu kinh tế, khu công nghiệp ven biển, phát huy vai trò động lực của các khu kinh tế ven biển gắn với các khu đô thị ven biển. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học - công nghệ và đào tạo nhân lực biển; xây dựng Trường Đại học Hàng hải Việt Nam là trường trọng điểm quốc gia, nghiên cứu, đào tạo phục vụ phát triển bền vững kinh tế biển. Hoàn thiện Trung tâm nghề cá lớn tại Hải Phòng.

3. Phát triển hệ thống đô thị bền vững và kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội hiện đại

- Phát triển hệ thống đô thị trong vùng theo mạng lưới, phân bố hợp lý, thông minh, hiện đại, thích ứng với biến đổi khí hậu; lấy định hướng phát triển giao thông công cộng (theo mô hình TOD) làm cơ sở quy hoạch đô thị. Chú trọng phát triển các đô thị hai bên bờ Sông Hồng và các sông lớn trong vùng,

đáp ứng yêu cầu thoát lũ, phòng, chống thiên tai, khai thác, sử dụng hiệu quả không gian, quỹ đất. Triển khai hiệu quả xây dựng Quy hoạch vùng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050; phát huy vai trò hạt nhân, động lực của các đô thị trong vùng. Phát triển Thủ đô Hà Nội trở thành thành phố thông minh, hiện đại, có bản sắc, tạo hiệu ứng lan toả, liên kết vùng đô thị phía Bắc, cả nước và hội nhập vào mạng lưới đô thị của khu vực Đông Nam Á, Châu Á; thành phố Hải Phòng xanh, thông minh, cơ bản đạt các tiêu chí đô thị loại đặc biệt, đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá; hình thành một số trung tâm đô thị cấp quốc gia, cấp vùng với các chỉ tiêu y tế, giáo dục, đào tạo đạt mức bình quân của đô thị thuộc 4 nước dẫn đầu ASEAN.

- Đẩy nhanh tốc độ đô thị hoá, phát triển các trung tâm hành chính tỉnh, thành phố để tăng cường liên kết và hình thành các chuỗi đô thị, trong đó, Hà Nội, Vĩnh Phúc, Bắc Ninh gắn với phát triển vành đai công nghiệp, đô thị, dịch vụ; chuỗi đô thị tại Quảng Ninh, Hải Phòng, Thái Bình, Nam Định, Ninh Bình gắn với phát triển kinh tế biển, liên kết chặt chẽ thông qua vành đai kinh tế ven biển. Tiếp tục thực hiện di dời các trường đại học, bệnh viện ra khỏi trung tâm Thủ đô Hà Nội. Tập trung cải tạo, chỉnh trang các chung cư hết niên hạn sử dụng, chung cư xuống cấp, mất an toàn, đặc biệt là ở các đô thị. Có chính sách đủ mạnh thúc đẩy phát triển nhà ở xã hội, xây dựng các thiết chế văn hoá, nhất là tại các địa phương có công nghiệp phát triển nhanh, thu hút nhiều lao động.

- Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực để phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, đa dạng hoá các nguồn lực và hình thức đầu tư, chú trọng hình thức đối tác công - tư. Ưu tiên bố trí nguồn lực cho các công trình động lực, có tính lan toả, kết nối vùng. Tập trung đầu tư hạ tầng viễn thông, hạ tầng số hiện đại, an toàn, nhất là hạ tầng viễn thông băng rộng, điện toán đám mây, IoT... Đẩy mạnh xã hội hoá đầu tư các công trình văn hoá, thể thao, du lịch. Chú trọng đầu tư các công trình thu gom, xử lý rác thải, nước thải, chống ngập, nhất là tại Hà Nội, các đô thị lớn. Phát triển đồng bộ kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn; cải tạo, nâng cấp hệ thống thuỷ lợi, đê sông, đê biển, nhất là các tuyến đê cấp III, cấp đặc biệt thuộc hệ thống Sông Hồng, sông Thái Bình; chú trọng đầu tư các công trình phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Hoàn thiện mạng lưới giao thông đồng bộ, hiện đại, kết nối nội vùng, liên vùng và quốc tế; phát triển vận tải đa phương thức, phát huy lợi thế về cảng biển, cảng hàng không, đường bộ, đường sắt, đường thuỷ nội địa và các hành lang kết nối của vùng. Đẩy nhanh tiến độ, hoàn thành dứt điểm một số công trình

hạ tầng giao thông trọng điểm quốc gia có tính liên kết vùng, hạ tầng số, hạ tầng đô thị, các dự án giao thông đô thị, các tuyến vành đai, các trục hướng tâm, hệ thống giao thông tỉnh; khẩn trương hoàn thành các tuyến Metro tại Thủ đô Hà Nội. Nghiên cứu đầu tư các tuyến đường sắt đô thị kết nối Hà Nội với Bắc Ninh, Hưng Yên, Hà Nam, Vĩnh Phúc...

- Đến năm 2030, hoàn chỉnh các tuyến đường bộ cao tốc hướng tâm và các tuyến vành đai vùng Thủ đô (ưu tiên vành đai 4, vành đai 5). Nâng cấp hoàn chỉnh các tuyến quốc lộ đạt cấp III, mở rộng tối thiểu 4 - 6 làn xe đối với đoạn qua đô thị; các tuyến tỉnh lộ cơ bản đạt cấp III, IV. Đầu tư hoàn thành các tuyến đường bộ cao tốc (đoạn qua vùng) theo quy hoạch; mở rộng một số đoạn ưu tiên trên một số tuyến quốc lộ trong vùng theo quy hoạch và đường bộ ven biển qua Thái Bình, Nam Định, Ninh Bình. Cải tạo, nâng cấp, khai thác hiệu quả các tuyến đường sắt hiện có, kết nối thông suốt tuyến đường sắt liên vận đạt tiêu chuẩn quốc tế; hoàn thành tuyến đường sắt Yên Viên - Phả Lại - Hạ Long - Cái Lân; nghiên cứu đầu tư tuyến đường sắt tốc độ cao Bắc - Nam (xây dựng đoạn Hà Nội - Vinh), tuyến Hà Nội - Hải Phòng, tuyến vành đai phía Đông Hà Nội (đoạn Ngọc Hồi - Thạch Lỗi).

- Cải tạo các tuyến đường thủy nội địa từ Hải Phòng, Quảng Ninh đi Hà Nội, Việt Trì, Thái Bình, Nam Định, Ninh Bình và tuyến ven biển Vạn Gia - Ka Long; nâng cấp tỉnh không cầu Đuống, nạo vét luồng lạch tại các điểm nghẽn hạ tầng trên Sông Hồng. Đầu tư các bến mới tại cảng biển Hải Phòng, Quảng Ninh; khai thác hiệu quả cảng quốc tế Lạch Huyện. Nâng cấp, mở rộng các cảng hàng không quốc tế Nội Bài, Cát Bi, Vân Đồn theo quy hoạch.

4. Phát triển khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số

- Tập trung phát triển vùng trở thành trung tâm khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số hàng đầu của cả nước. Chú trọng nghiên cứu, phát triển công nghệ lõi, công nghệ số. Triển khai hiệu quả, đồng bộ các chương trình khoa học - công nghệ quốc gia và của vùng. Tăng cường tiềm lực khoa học - công nghệ ở một số lĩnh vực có thể mạnh đạt trình độ quốc tế. Xây dựng chiến lược đào tạo, phát triển nguồn nhân lực khoa học - công nghệ cho vùng. Khuyến khích doanh nghiệp tham gia, thành lập, mở rộng quy mô các quỹ phát triển khoa học - công nghệ; thành lập và phát triển các trung tâm đổi mới sáng tạo; tăng cường liên kết giữa doanh nghiệp với các viện, trường, cơ sở nghiên cứu; phát triển thị trường khoa học - công nghệ hiệu quả, hội nhập quốc tế. Đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao khoa học - công nghệ. Tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách về khoa học - công nghệ và đổi

mới sáng tạo phù hợp với thực tế Việt Nam và thông lệ quốc tế. Tăng đầu tư, đa dạng hoá và sử dụng hiệu quả các nguồn lực xã hội cho phát triển khoa học - công nghệ, trong đó bảo đảm tỉ lệ chi ngân sách nhà nước tối thiểu 2% cho khoa học - công nghệ. Tiếp tục hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học - công nghệ để phát triển các sản phẩm chủ lực, lợi thế của các địa phương.

- Phát triển nhanh doanh nghiệp công nghệ số; tăng nhanh tỉ trọng kinh tế số trong GDP. Khẩn trương phổ cập dịch vụ mạng di động 5G, hướng đến công nghệ 6G. Đẩy mạnh chuyển đổi số trong hoạt động của cơ quan nhà nước các cấp, phát triển chính quyền điện tử, hướng đến chính quyền số; tạo lập dữ liệu mở, cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 trên thiết bị di động thông minh.

- Xây dựng Trung tâm đổi mới sáng tạo vùng đồng bằng Sông Hồng, phát triển mạnh các công nghệ mới và kết nối hiệu quả các sản phẩm dịch công nghệ vùng, cả nước và quốc tế. Xây dựng và phát triển các khu, trung tâm khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, trí tuệ nhân tạo tại Hà Nội, Hải Phòng, Hà Nam..., trong đó Hà Nội trở thành trung tâm đổi mới sáng tạo, nghiên cứu, phát triển, chuyển giao công nghệ với hạt nhân là Khu công nghệ cao Hoà Lạc, các viện nghiên cứu, trường đại học; Hải Phòng trở thành Trung tâm quốc tế đào tạo, nghiên cứu, ứng dụng khoa học - công nghệ về biển; phát triển Khu công nghệ cao Hà Nam tập trung vào lĩnh vực trí tuệ nhân tạo, tự động hoá, công nghệ sinh học. Phấn đấu số doanh nghiệp khoa học - công nghệ tăng gấp 2 lần so với năm 2020; tỉ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo chiếm 50% tổng số doanh nghiệp hoạt động; tỉ trọng giá trị sản phẩm công nghiệp công nghệ cao trong các ngành chế biến, chế tạo đạt trên 50%.

5. Phát triển giáo dục và đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

- Phát huy vai trò là trung tâm của cả nước trong đào tạo nhân lực, đặc biệt là nhân lực chất lượng cao. Tiếp tục đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo theo hướng tập trung phát triển năng lực, kỹ năng, phẩm chất cho người học, hài hoà đức, trí, thể, mỹ. Đổi mới giáo dục mầm non theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực của trẻ em. Chuẩn hoá và nâng cao chất lượng giáo dục phổ thông cả trí tuệ, thể chất; hình thành phẩm chất, năng lực người học, phát hiện và bồi dưỡng năng khiếu, định hướng nghề nghiệp cho học sinh phổ thông. Tăng cường đầu tư, phát triển Đại học Quốc gia Hà Nội, Trường Đại học Bách khoa Hà Nội, một số trường đại học lớn, đa ngành trong vùng theo hướng có trọng tâm, trọng điểm; chú trọng nâng cao chất lượng và quy mô đào tạo, tập trung đào tạo nhân lực chất lượng cao cho vùng và cả nước. Đẩy mạnh hợp tác

quốc tế, xã hội hoá và tự chủ đại học; tập trung đầu tư xây dựng một số ngành đào tạo mũi nhọn đạt trình độ khu vực, thế giới, chú trọng các chương trình đào tạo cử nhân tài năng, chương trình chất lượng cao, chương trình tiên tiến và các chương trình đào tạo quốc tế.

- Tập trung đầu tư, thu hút mọi nguồn lực xã hội cho phát triển nhân lực, trọng tâm là đào tạo nghề. Đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp theo hướng mở, linh hoạt; bảo đảm thống nhất với chủ trương đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục và đào tạo, tăng nhanh tỉ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ; chú trọng đào tạo nhân lực chất lượng cao, nhân lực phục vụ phát triển các ngành công nghiệp nền tảng, ưu tiên, mũi nhọn, có thế mạnh của vùng. Phát triển thị trường lao động hiện đại, linh hoạt và hội nhập, có sự kiểm soát, quản lý, điều tiết của Nhà nước để chuyển dịch nhanh cơ cấu lao động, giảm tỉ lệ lao động khu vực phi chính thức; nâng cao chất lượng dự báo thị trường lao động. Xây dựng quan hệ lao động hài hoà, tiến bộ, hội nhập quốc tế; thúc đẩy chuyển dịch và phân bổ hợp lý lao động; hình thành cơ sở dữ liệu quản lý lao động, kết nối với cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác.

6. Phát triển văn hoá - xã hội, nâng cao đời sống Nhân dân

- Phát triển văn hoá ngang tầm với phát triển kinh tế, chính trị, xã hội, hướng tới chân - thiện - mỹ, thấm nhuần tinh thần dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học, tạo sức mạnh nội sinh to lớn của vùng; khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, ý chí tự cường dân tộc, sức sáng tạo, tinh thần cống hiến, khát vọng phát triển đất nước phồn vinh của Nhân dân trong vùng. Giải quyết hài hoà mối quan hệ giữa bảo tồn di sản văn hoá với phát triển du lịch; gìn giữ, phát huy các giá trị văn hoá vật thể và phi vật thể, không gian, kiến trúc văn hoá làng, xã nông thôn truyền thống; tiếp thu tinh hoa văn hoá nhân loại, đồng thời nâng cao chất lượng, hiệu quả sáng tạo các giá trị văn hoá mới. Phát triển mạng lưới thiết chế văn hoá đồng bộ, hiện đại, đáp ứng nhu cầu sáng tạo, hưởng thụ của Nhân dân. Xây dựng các sản phẩm, dịch vụ văn hoá đặc trưng của nền văn minh Sông Hồng. Nâng cấp, hiện đại hoá một số bảo tàng lớn, trung tâm điện ảnh, nhà hát tại Hà Nội và các đô thị lớn trong vùng. Bảo tồn, phát huy giá trị các di tích, di sản văn hoá như: Hoàng thành Thăng Long, Văn Miếu Quốc Tử Giám, Cổ đô Hoa Lư, các khu di tích quốc gia, đền, chùa, dân ca Quan họ, Ca trù, hát Chèo, Chầu văn, các lễ hội văn hoá, tín ngưỡng, tôn giáo truyền thống... Rà soát, phục dựng, trùng tu, tôn tạo, bảo tồn và phát huy các giá trị, di tích lịch sử, di sản văn hoá của các địa phương: Phố Hiến (Hưng Yên), Tràng An (Ninh Bình), Côn Sơn - Kiếp Bạc (Hải Dương), Yên Tử (Quảng Ninh)... Phát triển Thủ đô

xứng tầm với truyền thống ngàn năm văn hiến Thăng Long - Hà Nội, thực sự là trung tâm hội tụ, kết tinh văn hoá của cả nước.

- Hoàn thiện cơ chế, chính sách thúc đẩy phát triển công nghiệp văn hoá, kinh tế thể thao. Phát triển hệ thống an sinh xã hội toàn diện, phổ cập và hiện đại; hỗ trợ người dân ứng phó hiệu quả trước các rủi ro về kinh tế - xã hội và môi trường. Thực hiện đầy đủ, kịp thời, đồng bộ, hiệu quả các chương trình, đề án, chính sách về ưu đãi người có công, giảm nghèo bền vững, trợ giúp xã hội; quan tâm, tạo điều kiện để các đối tượng yếu thế tiếp cận tốt hơn các dịch vụ xã hội cơ bản, vươn lên hoà nhập cộng đồng. Làm tốt công tác chăm sóc trẻ em, người cao tuổi, thúc đẩy bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ. Tiếp tục ưu tiên nguồn lực thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững.

- Phát triển đồng bộ hệ thống y tế vùng theo quy hoạch; bảo đảm mọi người dân có cơ hội tiếp cận bình đẳng dịch vụ y tế có chất lượng, hướng tới bao phủ chăm sóc sức khoẻ và bảo hiểm y tế toàn dân. Đầu tư các bệnh viện đa khoa, chuyên khoa tại Hà Nội ngang tầm các trung tâm chuyên sâu kỹ thuật cao của khu vực và thế giới; gắn phát triển dịch vụ y tế với du lịch khám, chữa bệnh và nghỉ dưỡng. Nâng cấp bệnh viện đa khoa cấp tỉnh hạng I để đảm nhận vai trò bệnh viện tuyến cuối. Tăng cường quản lý dược phẩm, vật tư, trang thiết bị y tế đáp ứng yêu cầu phòng, chống dịch, khám, chữa bệnh và phòng, chống tiêu cực. Duy trì tỉ lệ sinh, khắc phục tình trạng mất cân bằng giới tính. Thực hiện tốt chính sách tôn giáo.

7. Quản lý, sử dụng hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu

- Thúc đẩy tăng trưởng xanh, phát triển các mô hình kinh tế tuần hoàn, ít phát thải khí nhà kính, thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững theo các cam kết quốc tế của Việt Nam. Tăng cường quản lý, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả và bền vững đất đai; bảo đảm cân đối quỹ đất cho phát triển kinh tế - xã hội; kiểm soát chặt chẽ việc chuyển mục đích sử dụng đất, đặc biệt là đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên. Nâng cấp, hiện đại hoá cơ sở dữ liệu địa chính toàn vùng. Đánh giá đúng hiện trạng đất chưa sử dụng trong vùng. Khẩn trương rà soát, kiểm tra việc sử dụng đất của các dự án chậm đưa vào sử dụng; kiên quyết xử lý, thu hồi đúng pháp luật, không để tái diễn tình trạng dự án "treo", sử dụng không đúng quy hoạch, sai mục đích, phòng, chống lợi ích nhóm, tiêu cực; lành mạnh hoá thị trường bất động sản.

- Bảo đảm an ninh nguồn nước và an toàn đập, hồ chứa nước, ngăn chặn suy giảm tài nguyên nước, sử dụng tiết kiệm và hiệu quả nguồn nước. Hoàn thành việc lập Quy hoạch tổng hợp lưu vực Sông Hồng giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Tăng cường hợp tác quốc tế trong bảo đảm an ninh nguồn nước lưu vực Sông Hồng, Sông Đà, Sông Lô. Có biện pháp để cải thiện, phục hồi chất lượng môi trường nước tại lưu vực các sông Nhuệ, Đáy, Bắc Hưng Hải... Tăng nhanh tỉ lệ dân cư được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn. Giải quyết kịp thời các vấn đề môi trường cấp bách tại thành phố Hà Nội, thành phố Hải Phòng và các đô thị khác, nhất là rác thải, khí thải, ô nhiễm nước các sông trong nội đô, đặc biệt là sông Tô Lịch; khẩn trương khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường ở khu vực nông thôn, nhất là các làng nghề; kiên quyết di dời các cơ sở gây ô nhiễm ra khỏi khu vực nội thành, khu vực đông dân cư. Xây dựng, phê duyệt quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia để định hướng vị trí, quy mô các khu xử lý chất thải rắn, chất thải nguy hại tập trung cấp vùng; đẩy mạnh xã hội hoá, thu hút đầu tư phát triển các khu xử lý rác thải, nước thải và phục hồi các dòng sông bị suy thoái, cạn kiệt.

- Phục hồi và bảo tồn các hệ sinh thái biển, bảo vệ nguồn lợi thủy hải sản, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng. Tăng cường liên kết vùng trong bảo tồn, khai thác sử dụng tài nguyên, đa dạng sinh học của các khu bảo tồn thiên nhiên, khu di sản thiên nhiên cấp quốc gia (Bãi Tử Long, Vịnh Hạ Long, Vườn Quốc gia Cúc Phương, Vườn Quốc gia Cát Bà, Vườn Quốc gia Xuân Thủy, Khu bảo tồn loài và sinh cảnh Vạc móng trắng Kim Bảng...); ứng phó, giải quyết các sự cố, phục hồi môi trường vùng ven biển. Ngăn chặn suy giảm đa dạng sinh học khu vực tiếp giáp các tỉnh Trung du và Miền núi phía Bắc, vùng cửa Sông Hồng, sông Thái Bình, các vùng ngập nước ở Quảng Ninh, Hải Phòng, Thái Bình, Nam Định, Hà Nam, Ninh Bình.

8. Bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh, nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại

- Xây dựng, củng cố thể trận quốc phòng toàn dân, thể trận an ninh nhân dân gắn với thể trận lòng dân vững chắc, nhất là khu vực phòng thủ của vùng và các địa phương trong vùng. Phát triển kinh tế - xã hội gắn chặt với củng cố quốc phòng, an ninh. Triển khai hiệu quả các quy hoạch quốc phòng; đầu tư xây dựng các khu kinh tế quốc phòng theo quy hoạch, phù hợp với các chiến lược, đề án về quân sự, quốc phòng.

- Bảo đảm vững chắc an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, không bị động, bất ngờ. Chủ động phát hiện, đấu tranh, vô hiệu hoá mọi âm mưu, hoạt

động chống phá Đảng, Nhà nước của các thế lực thù địch, phản động. Bảo đảm tuyệt đối an toàn các mục tiêu, sự kiện quan trọng của đất nước; giữ vững môi trường hoà bình, ổn định để phát triển kinh tế - xã hội. Triển khai đồng bộ các giải pháp bảo đảm an ninh trên các lĩnh vực; bảo đảm an ninh trật tự trong các khu kinh tế, khu công nghiệp, khu công nghệ cao; bảo vệ bí mật nhà nước. Tăng cường quản lý nhà nước về an ninh trật tự; ứng phó có hiệu quả các tình huống, các mối đe dọa an ninh truyền thống, phi truyền thống; phòng ngừa, trấn áp và xử lý hiệu quả các loại tội phạm, tệ nạn xã hội.

- Triển khai đồng bộ, sáng tạo, hiệu quả hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế, chủ động tham gia các sáng kiến liên kết, kết nối với các nước trong khu vực, quốc tế. Tăng cường thu hút FDI, ODA; phát triển quan hệ thương mại ổn định, bền vững với thị trường Trung Quốc, phát huy vị trí cửa ngõ kết nối của ASEAN, đa dạng hoá đối tác thương mại, khai thác hiệu quả các hiệp định thương mại tự do. Xây dựng cơ chế, chính sách thí điểm triển khai Khu hợp tác kinh tế qua biên giới Việt Nam - Trung Quốc (Quảng Ninh). Làm tốt công tác đối ngoại nhân dân, xây dựng biên giới hoà bình, hữu nghị, hợp tác.

9. Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị

- Các cấp uỷ, tổ chức đảng các địa phương trong vùng tiếp tục đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị; xây dựng, củng cố tổ chức cơ sở đảng, nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, đề cao trách nhiệm người đứng đầu; khuyến khích, bảo vệ cán bộ đổi mới, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung.

- Nâng cao năng lực quản lý nhà nước của các cấp chính quyền. Tiếp tục hoàn thiện mô hình chính quyền các cấp, phân định rõ hơn tổ chức bộ máy chính quyền đô thị, nông thôn, hải đảo. Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, nhất là đội ngũ lãnh đạo quản lý các cấp. Đẩy mạnh cải cách hành chính, phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số, kinh tế số và xã hội số. Tăng cường phân cấp, phân quyền trong các lĩnh vực đầu tư, tài chính, quy hoạch, đất đai, môi trường và tổ chức bộ máy gắn với kiểm tra, giám sát và kiểm soát quyền lực. Đổi mới công tác dân vận, nội dung và phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội, nâng cao hiệu quả các phong trào thi đua, các cuộc vận động, hoạt động giám sát, phản biện xã hội.

IV- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cấp uỷ, tổ chức đảng, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội và Nhân dân cả nước, nhất là các địa phương trong vùng đồng bằng Sông Hồng nghiên cứu, tuyên truyền, phổ biến, quán triệt và tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết. Phát huy cao độ vai trò lãnh đạo của cấp uỷ, tổ chức đảng, sự vào cuộc quyết liệt của cả hệ thống chính trị, sự đồng thuận của xã hội, sự tham gia tích cực của toàn dân và cộng đồng doanh nghiệp trong quá trình thực hiện Nghị quyết.

2. Ban cán sự đảng Chính phủ chỉ đạo: Ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết và xây dựng quy hoạch vùng, địa phương; hoàn thiện thể chế, cơ chế tổ chức điều phối, liên kết phát triển vùng; điều chỉnh, bổ sung cơ chế, chính sách đặc thù về phát triển vùng đồng bằng Sông Hồng.

3. Các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng uỷ trực thuộc Trung ương theo trách nhiệm của mình thường xuyên quan tâm, chủ động phối hợp với các địa phương vùng đồng bằng Sông Hồng để thực hiện hiệu quả Nghị quyết.

4. Ban Kinh tế Trung ương chủ trì, theo dõi, giám sát, kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện Nghị quyết; định kỳ sơ kết, tổng kết, báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

**T/M BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
TỔNG BÍ THƯ**

Đã ký: Nguyễn Phú Trọng

**ĐẢNG ỦY KHỐI
DOANH NGHIỆP TRUNG ƯƠNG**

Số 70-SL/ĐUK

Nơi nhận:

- Các đồng chí Ủy viên BCH ĐBK,
- Các ban, đơn vị Đảng uỷ Khối,
- Các đảng uỷ trực thuộc,
- Lưu Văn thư.

Hà Nội, ngày 28 tháng 11 năm 2022

Sao lục

Để quán triệt, triển khai, thực hiện

**T/L BAN THƯỜNG VỤ
CHÁNH VĂN PHÒNG**



Vũ Đức Tú

BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Số 45-KL/TW

Hà Nội, ngày 17 tháng 11 năm 2022

ĐẢNG ỦY TẬP ĐOÀN DẦU MỎ VÀ KHÍ THIÊN NHIÊN
ĐẾN Số: 958
Ngày: 25/11/2022

KẾT LUẬN
HỘI NGHỊ LẦN THỨ SÁU

BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHOÁ XIII

ĐẢNG ỦY TẬP ĐOÀN DẦU MỎ VÀ KHÍ THIÊN NHIÊN
ĐẾN Số: 492
Ngày: 30/11/2022
Chuyên: N.P.D.U.
Số và ký hiệu hồ sơ: 71-82

**Định hướng Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030,
tầm nhìn đến năm 2050**

Ban Chấp hành Trung ương Đảng thống nhất thông qua nội dung cơ bản Đề án Định hướng Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 do Ban cán sự đảng Chính phủ trình; đồng thời lưu ý, nhấn mạnh thêm một số điểm sau đây:

I- TÌNH HÌNH

Những năm qua, phát triển và tổ chức không gian phát triển các hoạt động kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và bảo vệ môi trường trên lãnh thổ đất nước đạt được nhiều kết quả quan trọng. Phát triển vùng, liên kết vùng chuyển biến tích cực, hình thành nhiều vùng kinh tế lớn, quan trọng cho phát triển đất nước. Bước đầu hình thành các hành lang kinh tế trên địa bàn các vùng, liên vùng, nhất là các hành lang gắn với các đô thị lớn. Không gian đô thị được mở rộng, dần hình thành mạng lưới đô thị, góp phần tạo động lực cho tăng trưởng kinh tế. Đã hình thành một số vùng sản xuất tập trung quy mô lớn thuộc các ngành, lĩnh vực quan trọng. Hệ thống kết cấu hạ tầng được quan tâm xây dựng, nhất là hạ tầng giao thông, thủy lợi, năng lượng, đô thị, thông tin và truyền thông, cùng nhiều công trình hạ tầng quan trọng trong các lĩnh vực giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, y tế, văn hoá, thể thao... tạo diện mạo mới cho đất nước. Các vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên... được quan tâm bảo vệ, mở rộng, góp phần tăng đa dạng sinh học.

Bên cạnh những kết quả đạt được, tổ chức không gian phát triển vẫn còn một số hạn chế, yếu kém: Không gian phát triển bị chia cắt nhiều theo địa giới hành chính, liên kết vùng còn nhiều bất cập. Đầu tư phát triển còn dàn trải;

chưa tập trung nguồn lực để hình thành rõ các vùng động lực có vai trò đi đầu, dẫn dắt tăng trưởng kinh tế đất nước. Quy hoạch phát triển các ngành còn thiếu đồng bộ, liên kết. Hệ thống kết cấu hạ tầng quốc gia chưa đồng bộ, hiện đại; kết cấu hạ tầng giao thông chưa hoàn thiện; hạ tầng năng lượng chưa đáp ứng yêu cầu phát triển; một số công trình hạ tầng văn hoá, xã hội quan trọng chậm được đầu tư. Hệ thống đô thị phân bố chưa hợp lý, tính liên kết còn yếu, chủ yếu phát triển theo chiều rộng, tác động lan toả còn hạn chế. Chưa hình thành được các trung tâm tài chính lớn; phát triển các khu kinh tế, khu công nghiệp, khu du lịch còn dàn trải, hiệu quả thấp; chưa hình thành được các cụm liên kết ngành quốc gia quy mô lớn. Ô nhiễm môi trường ở các đô thị lớn, làng nghề và một số lưu vực sông chậm được khắc phục, các nguồn ô nhiễm môi trường biển, hải đảo gia tăng; hạ tầng ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai còn hạn chế.

Nguyên nhân chủ yếu của những hạn chế, yếu kém nêu trên là do tư duy phát triển theo hướng dàn trải, thiếu trọng tâm, trọng điểm; thiếu quy hoạch mang tính tổng thể quốc gia, dài hạn. Việc thể chế hoá và tổ chức thực hiện chủ trương của Đảng về phát triển vùng còn chậm. Thiếu cơ chế, chính sách thúc đẩy phát triển kinh tế liên ngành, liên vùng. Chưa dành nguồn lực thích đáng để đầu tư hình thành bộ khung kết cấu hạ tầng quốc gia, các vùng; các khu vực ưu tiên phát triển như vùng kinh tế động lực, vùng kinh tế trọng điểm, hành lang kinh tế. Phát triển bền vững, hài hoà kinh tế - văn hoá - xã hội - môi trường chưa thực sự được quan tâm, chưa trở thành tư duy chủ đạo trong hoạch định và thực hiện chính sách phát triển.

II- ĐỊNH HƯỚNG CHỦ YẾU QUY HOẠCH TỔNG THỂ QUỐC GIA

Việc xây dựng Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 dựa trên các nguyên tắc, quan điểm sau:

1. Nhận thức, quán triệt sâu sắc, đầy đủ Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045; bám sát và cụ thể hoá các nghị quyết, kết luận của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị về phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội, bảo vệ môi trường, bảo đảm quốc phòng, an ninh giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045; căn cứ vào thực tế phát triển đất nước, đặc biệt là tổ chức không gian phát triển quốc gia 10 năm gần đây, xu thế phát triển trong nước và quốc tế.

2. Không gian phát triển quốc gia phải được tổ chức khoa học, hiệu quả, thống nhất trên phạm vi cả nước, bảo đảm liên kết nội vùng, liên vùng trên cơ sở 6 vùng kinh tế - xã hội hiện nay và khai thác lợi thế so sánh của từng địa phương trong vùng và toàn vùng; huy động, phân bổ và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia. Phát triển có trọng tâm, trọng điểm, tập trung vào một số địa bàn có điều kiện thuận lợi về địa lý, kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, nguồn nhân lực chất lượng cao và các tiềm năng, lợi thế khác cho phát triển để hình thành vùng động lực, hành lang kinh tế, cực tăng trưởng, tạo hiệu ứng lan toả thúc đẩy kinh tế cả nước phát triển nhanh, hiệu quả, bền vững. Quy hoạch tổng thể quốc gia phải bảo đảm tính khả thi, tính kết nối cho các giai đoạn tiếp theo phù hợp với khả năng cân đối nguồn lực của nền kinh tế.

3. Sử dụng hiệu quả, tiết kiệm tài nguyên, nhất là tài nguyên đất, tài nguyên nước, tài nguyên rừng và các loại khoáng sản. Bảo đảm an ninh lương thực, an ninh năng lượng, an ninh nguồn nước; phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn; bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và nâng cao chất lượng đa dạng sinh học; chủ động phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu.

4. Phải cân đối, hài hoà giữa phát triển kinh tế với phát triển văn hoá - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh. Tổ chức không gian phát triển quốc gia, các vùng lãnh thổ, các hành lang kinh tế và hệ thống đô thị phải gắn với phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại; gắn kết giữa đô thị và nông thôn; khu vực đất liền với không gian biển; khai thác và sử dụng hiệu quả không gian ngầm, vùng biển, vùng trời. Phát huy hiệu quả các hành lang kinh tế quan trọng của khu vực và quốc tế; gắn phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội với bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và củng cố, tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh; chủ động, tích cực hội nhập quốc tế sâu rộng, thực chất và hiệu quả.

5. Tập trung ưu tiên hình thành cơ bản bộ khung kết cấu hạ tầng quốc gia; hạ tầng giao thông, hạ tầng đô thị, hạ tầng nông thôn, hạ tầng năng lượng, hạ tầng số, hạ tầng văn hoá, xã hội, hạ tầng thuỷ lợi, bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu. Đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng dựa trên cơ sở tăng

năng suất, ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo; ưu tiên phát triển một số ngành, lĩnh vực có tiềm năng, lợi thế và còn dư địa lớn, gắn với không gian phát triển mới. Trên cơ sở các vùng kinh tế trọng điểm hiện nay, hình thành và phát triển các vùng động lực; các vành đai công nghiệp, đô thị, dịch vụ; các cực tăng trưởng quốc gia quan trọng trở thành các đầu tàu dẫn dắt sự phát triển của quốc gia. Hình thành và phát triển các hành lang kinh tế theo trục Bắc - Nam, các hành lang kinh tế Đông - Tây, các vành đai kinh tế ven biển; kết nối hiệu quả các cảng biển, cảng hàng không, cửa khẩu quốc tế, đầu mối giao thương lớn, các đô thị, trung tâm kinh tế, cực tăng trưởng. Việc phân kỳ thực hiện các chương trình, dự án quan trọng của quốc gia do cấp có thẩm quyền xem xét, điều chỉnh phù hợp với yêu cầu và khả năng nguồn lực.

III- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Giao Ban cán sự đảng Chính phủ căn cứ Kết luận này, chỉ đạo các cơ quan liên quan hoàn thiện Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trình Quốc hội xem xét, quyết định theo quy định của pháp luật.

2. Các tỉnh uỷ, thành uỷ, các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng uỷ trực thuộc Trung ương có trách nhiệm tổ chức quán triệt và triển khai thực hiện Kết luận này.

**T/M BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
TỔNG BÍ THƯ**

Đã ký: Nguyễn Phú Trọng

**ĐẢNG ỦY KHỐI
DOANH NGHIỆP TRUNG ƯƠNG**

*

Số 71-SL/ĐUK

Nơi nhận:

- Các đồng chí Ủy viên BCH ĐBK,
- Các ban, đơn vị Đảng uỷ Khối,
- Các đảng uỷ trực thuộc,
- Lưu Văn thư.

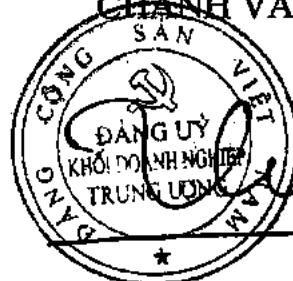
Hà Nội, ngày 28 tháng 11 năm 2022

Sao lục

Để quán triệt, triển khai, thực hiện

T/L BAN THƯỜNG VỤ

CHÁNH VĂN PHÒNG



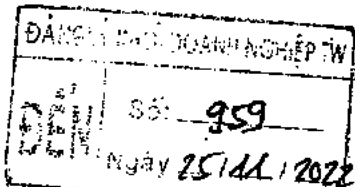
Vũ Đức Tú

BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Số 29-NQ/TW

Hà Nội, ngày 17 tháng 11 năm 2022



NGHỊ QUYẾT
HỘI NGHỊ LẦN THỨ SÁU

BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHOA XIII

Về tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước
đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

ĐẢNG ỦY TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ QUỐC GIA VIỆT NAM

ĐẾN Số: 493
Ngày: 30/11/2022

Chuyên: V.I.D.11

Số và ký hiệu hồ sơ: TỈNH HÌNH

Công nghiệp hoá, hiện đại hoá là chủ trương xuyên suốt và nhất quán của Đảng, Nhà nước ta trong quá trình xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Sau hơn 35 năm đổi mới, nhất là trong 10 năm (2011 - 2020), công nghiệp hoá, hiện đại hoá đã thúc đẩy tăng trưởng kinh tế ở mức cao, đạt bình quân 6,17%/năm, chất lượng tăng trưởng được cải thiện, quy mô nền kinh tế tăng nhanh, cơ cấu kinh tế và cơ cấu lao động chuyển dịch tích cực với tỉ trọng đóng góp vào GDP của công nghiệp và dịch vụ đạt 72,7% vào năm 2020, đưa nước ta trở thành nước đang phát triển có thu nhập trung bình. Công nghiệp được cơ cấu lại theo hướng giảm tỉ trọng ngành khai khoáng, tăng nhanh tỉ trọng ngành công nghiệp chế biến, chế tạo; đã hình thành được một số ngành công nghiệp có quy mô lớn, có khả năng cạnh tranh và vị trí vững chắc trên thị trường quốc tế. Ngành nông nghiệp tăng trưởng ổn định và bền vững, từng bước được cơ cấu lại theo hướng hiện đại. Đóng góp của ngành dịch vụ vào tăng trưởng kinh tế ngày càng tăng; đã hình thành được một số ngành dịch vụ có hàm lượng khoa học, công nghệ cao. Phát triển văn hoá, xã hội, con người được quan tâm; đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân không ngừng được cải thiện.

Tuy nhiên, mục tiêu trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020 không hoàn thành; tăng trưởng kinh tế không đạt mục tiêu chiến lược đề ra, tốc độ có xu hướng giảm dần theo chu kỳ 10 năm; có nguy cơ tụt hậu và rơi vào bẫy thu nhập trung bình. Nội lực của nền kinh tế còn yếu, năng suất lao động thấp, chậm được cải thiện; năng lực độc lập, tự chủ thấp, phụ thuộc nhiều vào khu vực có vốn đầu tư nước ngoài; khu vực kinh tế tư nhân trong nước chưa đáp ứng được vai trò là một động lực quan trọng thúc đẩy công nghiệp hoá, hiện đại hoá; doanh nghiệp nhà nước còn nhiều hạn chế; đổi mới và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể còn nhiều khó khăn. Công nghiệp phát triển thiếu bền vững, giá trị gia tăng thấp, chưa tham gia sâu vào chuỗi giá trị khu vực và toàn cầu; các ngành công nghiệp nền tảng, công nghiệp ưu tiên, công nghiệp mũi nhọn, công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp thông minh phát triển chậm. Các ngành dịch vụ quan trọng chiếm tỉ trọng nhỏ, liên kết với các ngành sản xuất yếu. Đô thị hoá chưa gắn kết chặt chẽ và đồng bộ với công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Phát triển văn hoá, xã hội, con người, môi trường còn nhiều hạn chế, bất cập.

Nguyên nhân của những hạn chế, tồn tại chủ yếu là do: Nhận thức, lý luận, mô hình, mục tiêu, tiêu chí về công nghiệp hoá, hiện đại hoá còn nhiều nội dung chưa rõ, chưa sát thực tiễn, còn chủ quan, duy ý chí; chưa có nghị quyết chuyên đề của Đảng về công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Chưa xác định rõ trọng tâm ưu tiên phát triển các ngành công nghiệp nền tảng, công nghiệp ưu tiên, công nghiệp mũi nhọn. Việc huy động, phân bổ và sử dụng nguồn lực còn nhiều hạn chế, chưa hiệu quả; nguồn lực của Nhà nước bố trí cho phát triển khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo còn thấp, phân bổ, sử dụng chưa hiệu quả; thiếu nguồn nhân lực chất lượng cao, nhất là trong lĩnh vực khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo. Thể chế, cơ chế, chính sách còn nhiều bất cập, chưa đáp ứng yêu cầu phát triển; hệ thống các tiêu chuẩn, định mức còn lạc hậu, không khuyến khích, thúc đẩy phát triển và ứng dụng khoa học - công nghệ. Chỉ đạo và tổ chức thực hiện vẫn là khâu yếu, chậm được khắc phục; năng lực thể chế hoá, cụ thể hoá, tổ chức thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng còn hạn chế. Chưa quan tâm kiểm tra, giám sát trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, địa phương và người đứng đầu trong thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

II- QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO, MỤC TIÊU VÀ TẦM NHÌN

1. Quan điểm chỉ đạo

- Công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước là quá trình chuyển đổi căn bản, toàn diện nền kinh tế và đời sống xã hội, dựa chủ yếu vào sự phát triển của công nghiệp và dịch vụ trên nền tảng khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo; là nhiệm vụ trung tâm của chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ, chủ động, tích cực hội nhập quốc tế sâu rộng, phát triển nhanh và bền vững, trở thành nước phát triển, có thu nhập cao theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

- Đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước là sự nghiệp của toàn dân và cả hệ thống chính trị, lấy con người là trung tâm, doanh nghiệp là chủ thể, bảo đảm hài hoà giữa phát triển kinh tế đi đôi với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ môi trường; gắn kết chặt chẽ và đồng bộ với quá trình đô thị hoá, xây dựng nông thôn mới, đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế và chuyển dịch cơ cấu lao động.

- Công nghiệp hoá, hiện đại hoá phải khai thác và phát huy tốt nhất mọi tiềm năng, lợi thế của đất nước, của từng vùng và địa phương; lợi thế của nền kinh tế đi sau và đang trong thời kỳ dân số vàng; kết hợp đồng bộ, hiệu quả giữa phát triển tuần tự với đi tắt đón đầu; chuyển dịch nhanh từ gia công, lắp ráp sang nghiên cứu, thiết kế và sản xuất tại Việt Nam, tập trung phát triển một số ngành dịch vụ có lợi thế, có hàm lượng tri thức và công nghệ cao, chú trọng đẩy mạnh dịch vụ hoá các ngành công nghiệp. Coi phát triển công nghiệp chế tạo, chế biến là then chốt; chuyển đổi số là phương thức mới có tính đột phá để rút ngắn quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá; công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn là một trong những nhiệm vụ ưu tiên hàng đầu.

- Thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá cần có lộ trình và bước đi cụ thể, có trọng tâm, trọng điểm; ưu tiên nguồn lực, có các cơ chế, chính sách đột phá, phù hợp để phát triển các cực tăng trưởng, các ngành công nghiệp nền tảng, công nghiệp ưu tiên, công nghiệp mũi nhọn, công nghiệp hỗ trợ, các ngành dịch vụ có giá trị gia tăng cao; tăng cường liên kết ngành và liên kết vùng; xác định nguồn lực trong nước là cơ bản, chiến lược, lâu dài và quyết định, nguồn lực bên ngoài là quan trọng, đột phá; doanh nghiệp trong nước (bao gồm cả doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp tư nhân) là động lực chính, chủ đạo; doanh nghiệp FDI có vai trò quan trọng, đột phá.

- Trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá phải bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế sâu rộng, hiệu quả; khơi dậy khát vọng phát triển, tinh thần khởi nghiệp quốc gia, đổi mới sáng tạo; phát huy giá trị tinh hoa văn hoá dân tộc, bản lĩnh và trí tuệ con người Việt Nam và truyền thống của giai cấp công nhân, vai trò xung kích, đi đầu của đội ngũ trí thức và doanh nhân Việt Nam.

2. Mục tiêu tổng quát đến năm 2030: Việt Nam cơ bản đạt được các tiêu chí của nước công nghiệp, là nước đang phát triển, có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao; đời sống của Nhân dân được nâng cao. Xây dựng nền công nghiệp quốc gia vững mạnh với năng lực sản xuất mới, tự chủ, khả năng thích ứng, chống chịu cao, từng bước làm chủ công nghệ lõi, công nghệ nền của các ngành công nghiệp nền tảng, công nghiệp ưu tiên, công nghiệp mũi nhọn. Nông nghiệp phát triển nhanh, bền vững theo hướng sinh thái, ứng dụng mạnh mẽ khoa học - công nghệ tiên tiến. Các ngành dịch vụ được cơ cấu lại đồng bộ, hiệu quả trên nền tảng công nghệ hiện đại, công nghệ số với chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh được nâng cao, hình thành được nhiều ngành dịch vụ mới, có giá trị gia tăng cao.

3. Một số chỉ tiêu cụ thể đến năm 2030

- Tốc độ tăng trưởng GDP bình quân khoảng 7%/năm; GDP bình quân đầu người theo giá hiện hành đạt khoảng 7.500 USD; GNI bình quân đầu người theo giá hiện hành đạt trên 7.000 USD. Đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế ở mức trên 50%; chỉ số đổi mới sáng tạo toàn cầu (GII) thuộc nhóm 40 nước dẫn đầu thế giới.

- Tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội dưới 20%; tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt 35 - 40%; tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động được đào tạo kỹ năng số cơ bản đạt trên 80%; đạt khoảng 260 sinh viên trên một vạn dân.

- Thuộc nhóm 3 nước dẫn đầu ASEAN về năng lực cạnh tranh công nghiệp; tỷ trọng công nghiệp đạt trên 40% GDP; tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo đạt khoảng 30% GDP; tỷ trọng giá trị sản phẩm công nghiệp công nghệ cao

trong các ngành chế biến, chế tạo đạt trên 45%; giá trị gia tăng công nghiệp chế tạo, chế biến bình quân đầu người đạt trên 2.000 USD. Tỉ trọng của khu vực dịch vụ đạt trên 50% GDP, trong đó du lịch đạt 14 - 15% GDP.

- Hình thành được một số tập đoàn, doanh nghiệp công nghiệp trong nước có quy mô lớn, đa quốc gia, có năng lực cạnh tranh quốc tế trong các ngành công nghiệp nền tảng, công nghiệp ưu tiên, công nghiệp mũi nhọn; xây dựng và phát triển được một số cụm liên kết ngành công nghiệp trong nước có quy mô lớn, có năng lực cạnh tranh quốc tế; làm chủ một số chuỗi giá trị công nghiệp, nông nghiệp.

- Xây dựng được ngành công nghiệp quốc phòng, công nghiệp an ninh tự lực, tự cường, lưỡng dụng, hiện đại.

- Tỉ trọng kinh tế số đạt khoảng 30% GDP. Hoàn thành xây dựng chính phủ số, thuộc nhóm 50 quốc gia hàng đầu thế giới và xếp thứ ba trong khu vực ASEAN về chính phủ điện tử, kinh tế số.

- Tỉ lệ đô thị hoá đạt trên 50%. Phân đầu đạt được các chỉ tiêu về sử dụng hiệu quả tài nguyên (đất, nước, khoáng sản), tái sử dụng, tái chế chất thải tương đương với các nước dẫn đầu ASEAN; chỉ số hiệu quả môi trường (EPI) đạt trên 55. Chỉ số phát triển con người (HDI) duy trì trên 0,7.

4. Tầm nhìn đến năm 2045: Việt Nam trở thành nước phát triển, có thu nhập cao, thuộc nhóm các nước công nghiệp phát triển hàng đầu khu vực Châu Á.

III- NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Đổi mới tư duy, nhận thức và hành động quyết liệt, tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước

- Xác định nội dung cốt lõi của sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước giai đoạn 2021 - 2030 là thúc đẩy ứng dụng mạnh mẽ khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, nhất là thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, tạo ra bứt phá về năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của các ngành, lĩnh vực và cả nền kinh tế; thực hiện chuyển đổi số toàn diện, thực chất, hiệu quả, bền vững; nâng cao năng lực tự chủ về sản xuất, công nghệ và thị trường, bảo vệ và phát huy tốt thị trường trong nước; chuyển dịch cơ cấu nội ngành công nghiệp sang các ngành có tính nền tảng, ưu tiên, mũi nhọn, có hàm lượng công nghệ và giá trị gia tăng cao; chuyển đổi các ngành công nghiệp thâm dụng tài nguyên, năng lượng sang các ngành công nghiệp xanh, công nghiệp phát thải carbon thấp; cơ cấu lại các ngành nông nghiệp và dịch vụ dựa trên nền tảng công nghệ hiện đại, công nghệ số, phát triển các loại dịch vụ mới có tính liên ngành và giá trị gia tăng cao, đẩy nhanh dịch vụ hoá các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo. Giai đoạn 2031 - 2045, tập trung nâng cao chất lượng công nghiệp hoá và đẩy mạnh hiện đại hoá toàn diện trên tất cả các lĩnh vực của nền kinh tế và đời sống xã hội.

- Nâng cao nhận thức của các cấp uỷ, tổ chức đảng, chính quyền, doanh nghiệp và người dân; cụ thể hoá các quan điểm, gắn kết các mục tiêu, nhiệm vụ công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước với xây dựng và thực hiện luật pháp, chính sách, hệ thống quy hoạch quốc gia và các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch liên quan. Thực hiện phân công, phân cấp triệt để trong quản lý nhà nước về phát triển công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ; bảo đảm nguyên tắc một cơ quan thực hiện nhiều việc, một việc chỉ giao cho một cơ quan chủ trì thực hiện và chịu trách nhiệm chính. Nâng cao năng lực dự báo; xây dựng bộ tiêu chí đánh giá kết quả công nghiệp hoá, hiện đại hoá trên phạm vi cả nước, từng vùng và địa phương; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, gắn trách nhiệm người đứng đầu cấp uỷ và chính quyền các ngành, các cấp trong tổ chức thực hiện.

2. Xây dựng và hoàn thiện thể chế, chính sách thúc đẩy công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước

- Đẩy nhanh thể chế hoá các nghị quyết, kết luận của Đảng có liên quan đến công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Ưu tiên xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật chuyên ngành về phát triển công nghiệp quốc gia và các lĩnh vực công nghiệp đặc thù như công nghiệp công nghệ số, công nghiệp quốc phòng, an ninh, năng lượng...; tạo lập khung pháp luật cho phát triển sản xuất thông minh, mô hình nhà máy thông minh, xây dựng và ban hành các tiêu chuẩn quốc gia về sản xuất thông minh; đẩy nhanh hoàn thiện các tiêu chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật của các ngành, lĩnh vực sát với thực tiễn, tiệm cận với chuẩn mực quốc tế. Xây dựng lộ trình, hoàn thiện các cơ chế, chính sách cho thực hiện chuyển đổi năng lượng xanh, bền vững, phù hợp với xu thế của thế giới, bảo đảm vững chắc an ninh năng lượng quốc gia.

- Hoàn thiện cơ chế, chính sách cho phát triển khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo phù hợp với thực tế Việt Nam và thông lệ quốc tế. Có chính sách ưu đãi phù hợp về thuế, tài chính, tín dụng, đất đai... cho nghiên cứu khoa học - công nghệ; khuyến khích doanh nghiệp đầu tư cho nghiên cứu và triển khai; tạo thuận lợi cho trích lập và sử dụng hiệu quả quỹ đầu tư cho khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp. Ban hành cơ chế, chính sách về phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao cho các ngành công nghiệp nền tảng, công nghiệp ưu tiên, công nghiệp mũi nhọn thông qua tăng cường chính sách đặt hàng đào tạo và thực hiện hỗ trợ tài chính của Nhà nước đối với cơ sở đào tạo và người học. Rà soát, hoàn thiện chính sách khuyến khích phát triển các ngành công nghiệp nền tảng, công nghiệp ưu tiên, công nghiệp mũi nhọn theo hướng không ưu đãi theo diện rộng, dàn trải đến các phân ngành công nghiệp, tập trung vào các lĩnh vực được xác định theo tiêu chí phù hợp cho từng giai đoạn; bổ sung các chính sách khuyến khích phát triển vùng nguyên liệu, công nghệ, vốn đầu tư, mua bán, sáp nhập doanh nghiệp... Tiếp tục rà soát, sửa đổi, bổ sung để khắc phục chồng chéo, bất cập không phù hợp trong chính sách ưu đãi thuế theo ngành, lĩnh vực đầu tư và theo địa bàn; có các chính sách thuế nhằm khuyến khích phát triển khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo phù hợp với mục tiêu

thúc đẩy phát triển và ứng dụng công nghệ mới, các công nghệ ưu tiên phát triển, xây dựng và phát triển các trung tâm đổi mới sáng tạo.

- Xây dựng khung pháp luật cho phát triển kinh tế số, xã hội số, chính phủ số; ban hành cơ chế thử nghiệm có kiểm soát, các chính sách thí điểm, đặc thù cho các hoạt động phát triển, thử nghiệm và áp dụng các sản phẩm, giải pháp, dịch vụ, mô hình kinh doanh dựa trên công nghệ số và nền tảng số; tăng cường chính sách đặt hàng, giao nhiệm vụ sản xuất, chính sách mua sắm công theo hướng ưu tiên sử dụng hàng hoá trong nước, nâng cao giá trị gia tăng và tỉ lệ nội địa hoá. Thúc đẩy các cơ chế, chính sách đặc thù cho phát triển công nghiệp quốc phòng, công nghiệp an ninh theo hướng lưỡng dụng, hiện đại.

- Tiếp tục đổi mới chính sách đất đai, tín dụng, tài chính, khoa học, công nghệ, phát triển nguồn nhân lực, thu hút đầu tư tư nhân, đầu tư nước ngoài vào nông nghiệp, nông thôn để thúc đẩy và hỗ trợ quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn.

- Rà soát, hoàn thiện luật chuyên ngành về du lịch, thương mại, đường sắt, bưu chính, công nghệ thông tin, viễn thông và các luật có liên quan; tiếp tục hoàn thiện chính sách, pháp luật, đẩy mạnh xã hội hoá để cơ cấu lại các ngành dịch vụ dựa trên nền tảng công nghệ hiện đại, nhất là trong các lĩnh vực thương mại điện tử, tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, y tế, giáo dục, logistics, du lịch, các dịch vụ mới của nền kinh tế số... Có chiến lược, cơ chế, chính sách mới vượt trội, cạnh tranh quốc tế cao để thúc đẩy hình thành một số trung tâm du lịch, trung tâm logistics, trung tâm đổi mới sáng tạo tầm cỡ khu vực và quốc tế tại một số đô thị.

- Hoàn thiện cơ chế, chính sách, thí điểm thực hiện các cơ chế phù hợp để tạo đột phá cho phát triển kết cấu hạ tầng, nhất là đường bộ, đường sắt. Rà soát, sửa đổi pháp luật về ngân sách nhà nước và các quy định liên quan theo hướng tăng cường phân cấp huy động, sử dụng nguồn lực đầu tư ở Trung ương và địa phương, tạo điều kiện thuận lợi cho các địa phương cùng đầu tư ngân sách vào các hạ tầng dùng chung, hạ tầng liên kết vùng. Nghiên cứu hình thành quỹ phát triển hạ tầng. Ban hành cơ chế, chính sách phù hợp về đền bù, hỗ trợ tái định cư, thu hồi đất phục vụ cho các dự án kết cấu hạ tầng quan trọng cấp quốc gia, cấp vùng. Đổi mới mô hình tổ chức, cơ chế hoạt động của các khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, khu công nghệ thông tin lập trung. Xây dựng khung tiêu chí và hoàn thiện hành lang pháp lý cho phát triển các khu công nghiệp sinh thái, thông minh, khu đô thị công nghiệp - thương mại - dịch vụ.

- Hoàn thiện các tiêu chí về đầu tư để lựa chọn, ưu tiên thu hút đầu tư phù hợp với chiến lược, quy hoạch, định hướng phát triển các ngành, lĩnh vực, địa bàn trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Có cơ chế, chính sách ưu đãi vượt trội, cạnh tranh quốc tế tạo điều kiện kinh doanh thuận lợi thu hút các dự án lớn, trọng điểm quốc gia, dự án công nghệ cao, thu hút FDI từ các đối tác thuộc các nước phát triển. Hoàn thiện khung pháp luật cho hoạt động đầu tư ra

nước ngoài của doanh nghiệp, mua bán và sáp nhập doanh nghiệp, thoái vốn đầu tư tại nước ngoài, mua bán, chuyển giao công nghệ. Hoàn thiện các cơ chế, chính sách, tiêu chí giám sát, đánh giá, xếp loại doanh nghiệp nhà nước và người quản lý theo mục tiêu và hiệu quả tổng thể.

3. Xây dựng nền công nghiệp quốc gia vững mạnh, tự lực, tự cường; nâng cao năng lực ngành xây dựng

- Đẩy nhanh thực hiện các chủ trương của Đảng về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia. Tiếp tục cơ cấu lại ngành công nghiệp; thực hiện điều chỉnh phân bố không gian phát triển công nghiệp của vùng, địa phương theo hướng gắn với các vùng động lực, cực tăng trưởng, hành lang kinh tế trọng điểm, phù hợp với quy hoạch tổng thể quốc gia, lợi thế của từng vùng, bảo đảm tính chuyên môn hoá cao, tăng cường tính liên kết nội vùng và liên vùng; hình thành các vùng công nghiệp, vành đai công nghiệp, cụm liên kết ngành công nghiệp, khu công nghiệp, trọng tâm là hình thành các cụm liên kết ngành công nghiệp; xây dựng và triển khai có hiệu quả quy hoạch vùng nguyên liệu cho các ngành công nghiệp, đặc biệt là đối với các ngành dệt may, da giày, chế biến nông sản, thực phẩm.

- Xây dựng và triển khai chương trình quốc gia về nâng cao năng lực độc lập, tự chủ, tự lực, tự cường của nền sản xuất Việt Nam đến năm 2045 (Make in Vietnam 2045) theo hướng chú trọng nâng cao tự chủ về nguyên liệu, công nghệ, sản xuất và thị trường, tăng cường năng lực sáng tạo và thiết kế, phát triển các ngành công nghiệp sử dụng nhiều công nghệ, có giá trị gia tăng cao và các ngành công nghiệp phát thải cacbon thấp; khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào đổi mới, hấp thụ và làm chủ công nghệ, nhất là công nghệ lõi, công nghệ nguồn. Ưu tiên nguồn lực và có cơ chế, chính sách khuyến khích đủ mạnh để phát triển những lĩnh vực ưu tiên của các ngành công nghiệp nền tảng: Luyện kim (ưu tiên phát triển thép hợp kim, thép đặc chủng phục vụ công nghiệp chế tạo máy thể hệ mới, nhất là cho quốc phòng, an ninh); cơ khí chế tạo (ưu tiên phát triển cơ khí chế tạo cho sản xuất máy nông nghiệp, ô tô, tàu biển, thiết bị công trình, thiết bị năng lượng, thiết bị điện, thiết bị y tế); hoá chất (ưu tiên phát triển các loại hoá chất cơ bản, hoá dầu, hoá dược, phân bón); công nghiệp năng lượng (ưu tiên phát triển công nghiệp năng lượng tái tạo, năng lượng mới); vật liệu (ưu tiên phát triển vật liệu mới); công nghệ số (ưu tiên phát triển trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, chuỗi khối, điện toán đám mây, internet kết nối vạn vật, thiết bị điện tử - viễn thông, thiết kế và sản xuất chip bán dẫn).

- Chú trọng phát triển một số ngành công nghiệp mũi nhọn: Công nghiệp sản xuất rô bốt, ô tô, thiết bị tích hợp vận hành tự động, điều khiển từ xa; công nghiệp chế biến, chế tạo phục vụ nông nghiệp; công nghiệp sinh học (tập trung vào gen, dược phẩm và các chế phẩm sinh học); công nghiệp dệt may, da giày ở

các khâu tạo giá trị gia tăng cao dựa trên quy trình sản xuất thông minh, tự động hoá; công nghiệp văn hoá... Khuyến khích các tập đoàn, doanh nghiệp trong nước liên kết, liên doanh với doanh nghiệp nước ngoài sản xuất thiết bị năng lượng sạch, tái tạo, hệ thống pin lưu trữ, công nghệ và sản phẩm tiết kiệm năng lượng, đào tạo, chuyển giao công nghệ.

- Phát triển công nghiệp quốc phòng, công nghiệp an ninh theo hướng lưỡng dụng, hiện đại, tự lực, tự cường, liên kết chặt chẽ với công nghiệp dân sinh, trở thành mũi nhọn của công nghiệp quốc gia. Tăng cường liên kết, chuyển giao, chuyển đổi công nghệ giữa công nghiệp dân sinh và công nghiệp quốc phòng, hình thành một số nền tảng đổi mới sáng tạo dùng chung. Tăng cường hợp tác, liên doanh, liên kết, đầu tư nguồn lực hỗ trợ các cơ sở dân sinh phục vụ công nghiệp quốc phòng, công nghiệp an ninh. Cơ cấu lại các cơ sở công nghiệp quốc phòng, hình thành các cơ sở công nghiệp an ninh bảo đảm tinh gọn, hiệu quả, hiện đại theo hướng lưỡng dụng, hiện đại.

- Xây dựng và triển khai chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ đến năm 2030, chú trọng đáp ứng các quy tắc về nguồn gốc xuất xứ trong các hiệp định thương mại tự do, tập trung vào các lĩnh vực: Điện tử thông minh, ô tô, dệt may - da giày, cơ khí và tự động hoá, nông nghiệp và công nghệ sinh học, công nghệ cao; có cơ chế khuyến khích và thúc đẩy các doanh nghiệp FDI chuyên giao công nghệ; quy hoạch và có cơ chế, chính sách đột phá, khuyến khích phát triển các khu, cụm công nghiệp hỗ trợ tập trung. Hình thành hệ thống khu công nghiệp hiện đại quy mô lớn theo hướng sinh thái đi đôi với phát triển khu công nghiệp, cụm công nghiệp có quy mô vừa và nhỏ, tạo điều kiện cho phát triển công nghiệp tại khu vực nông thôn, miền núi. Tiếp tục nghiên cứu và triển khai thí điểm các mô hình khu kinh tế đặc thù, khu thương mại tự do, trung tâm tài chính quốc tế, các mô hình kinh tế mới tại một số địa phương có tiềm năng và đáp ứng các điều kiện, tiêu chí.

- Có chiến lược và chính sách nâng cao năng lực ngành xây dựng. Khuyến khích phát triển một số tập đoàn xây dựng quy mô lớn, hoạt động hiệu quả, có khả năng cạnh tranh quốc tế. Phát triển ngành công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng thành ngành kinh tế mạnh, đạt trình độ tiên tiến, hiện đại, đáp ứng cơ bản nhu cầu trong nước; hạn chế, tiến tới dừng các hoạt động sản xuất vật liệu xây dựng sử dụng không hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, gây ô nhiễm môi trường, ưu tiên phát triển vật liệu xanh, vật liệu mới thân thiện với môi trường.

4. Đẩy nhanh công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn; tiếp tục cơ cấu lại ngành dịch vụ dựa trên nền tảng khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo

- Triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Ưu tiên đầu tư phát

triển hệ thống kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn, hạ tầng kết nối nông thôn với đô thị, nhất là hạ tầng thủy lợi, giao thông vận tải, hạ tầng thương mại, kho bãi, bảo quản, chế biến nông sản; đẩy nhanh xây dựng hạ tầng số và dữ liệu số nông nghiệp, nông thôn; nâng cấp, hiện đại hoá và phát triển sàn giao dịch cho các nông sản chủ lực, xây dựng các trung tâm hậu cần biên mậu. Hình thành các khu, cụm công nghiệp, dịch vụ hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh nông nghiệp tại một số vùng sản xuất nông nghiệp tập trung. Khuyến khích phát triển công nghiệp cơ khí, hoá chất và công nghệ sinh học phục vụ sản xuất nông nghiệp và chế biến nông, lâm, thủy sản. Tiếp tục phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hoá lớn, gắn với công nghiệp chế biến và thị trường, thúc đẩy cơ giới hoá đồng bộ, hiện đại hoá trong toàn bộ chuỗi cung ứng; chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn theo hướng tăng nhanh tỉ trọng giá trị sản phẩm và lao động các ngành công nghiệp và dịch vụ, tổ chức lại sản xuất theo chuỗi giá trị, phát triển các cụm liên kết sản xuất - chế biến - tiêu thụ nông sản. Thúc đẩy chuyển đổi số toàn diện, thực chất, hiệu quả nông nghiệp, nông thôn; ưu tiên bố trí nguồn lực và có cơ chế, chính sách đặc thù để xã hội hoá, thực hiện có hiệu quả chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh giai đoạn 2021 - 2025.

- Thúc đẩy dịch vụ hoá các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo; tiếp tục cơ cấu lại các ngành dịch vụ dựa trên nền tảng công nghệ hiện đại, công nghệ số, phát triển dịch vụ công nghệ cao, các loại dịch vụ mới của nền kinh tế số. Tập trung phát triển mạnh một số ngành dịch vụ có lợi thế và có hàm lượng tri thức, công nghệ cao như: Du lịch, thương mại, viễn thông, công nghệ thông tin, logistics, dịch vụ kỹ thuật, dịch vụ tư vấn pháp lý... Xây dựng hệ sinh thái đồng bộ, hiện đại hoá và mở rộng các dịch vụ tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán, y tế và chăm sóc sức khỏe, giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, công nghiệp văn hoá và dịch vụ văn hoá, thể thao, dịch vụ thương mại... Hình thành một số trung tâm dịch vụ du lịch, y tế, giáo dục, tài chính, logistics tầm cỡ khu vực và quốc tế. Đẩy nhanh tiến trình xây dựng và có cơ chế vượt trội để phát triển Thành phố Hồ Chí Minh và các đô thị có tiềm năng trở thành các trung tâm tài chính quốc tế.

5. Phát triển khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá

- Đẩy nhanh thể chế hoá và cụ thể hoá chủ trương, đường lối của Đảng về phát triển khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo. Ưu tiên đầu tư cho khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo đi trước một bước; có lộ trình tăng tỉ lệ chi từ ngân sách nhà nước tính trên GDP cho nghiên cứu và phát triển, phấn đấu đến năm 2030 đạt tỉ lệ thuộc nhóm 3 nước đứng đầu ASEAN, tiệm cận tỉ lệ bình quân chung của các nước thuộc khối OECD.

- Phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo trong các ngành công nghiệp, nông nghiệp và dịch vụ gắn với các chuỗi giá trị nội địa, khu vực và toàn cầu,

các cụm liên kết ngành với vai trò dẫn dắt của các doanh nghiệp lớn, tập trung vào các ngành có giá trị xuất khẩu và doanh thu lớn như dệt may, da giày, điện tử, thiết bị, máy móc, chế biến gỗ, chế biến nông sản, khai thác khoáng sản, dược phẩm... Phát triển hệ thống trung tâm đổi mới sáng tạo quốc gia, các trung tâm đổi mới sáng tạo ngành, vùng, các trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo nhằm phát triển, tích hợp hình thành các cụm liên kết đổi mới sáng tạo với các khu công nghệ cao, khu dân cư, trung tâm tài chính, quỹ đầu tư mạo hiểm, trường đại học, viện nghiên cứu. Triển khai mạnh mẽ các vườn ươm công nghệ, nền tảng đổi mới sáng tạo mở, mạng lưới đổi mới sáng tạo mở. Khuyến khích doanh nghiệp thành lập các trung tâm nghiên cứu, trung tâm đổi mới sáng tạo.

- Thực hiện thí điểm cơ chế, chính sách mới, đặc thù về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tại một số địa phương, trường đại học, viện nghiên cứu, doanh nghiệp được giao nhiệm vụ nghiên cứu và phát triển công nghệ lõi, công nghệ nguồn. Rà soát, cơ cấu lại các chương trình, nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo hướng ưu tiên phát triển các ngành công nghiệp nền tảng, công nghiệp ưu tiên, công nghiệp mũi nhọn, nông nghiệp công nghệ cao, các ngành dịch vụ có giá trị gia tăng cao. Rà soát, nâng cấp và đổi mới cơ chế vận hành hệ thống các phòng thí nghiệm do Nhà nước đầu tư. Đẩy mạnh nghiên cứu cơ bản và nghiên cứu ứng dụng trong các lĩnh vực Việt Nam có thế mạnh như toán học, vật lý, hoá học, khoa học sự sống, khoa học trái đất và khoa học biển... làm chủ công nghệ lõi, công nghệ nguồn.

- Rà soát, hoàn thiện các chiến lược về giáo dục, đào tạo, phát triển nhân lực quốc gia phù hợp với yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Quy hoạch lại mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học thuộc lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ. Triển khai các hoạt động đào tạo kiến thức, kỹ năng về khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo trong các trường phổ thông. Hình thành các chương trình cấp quốc gia và cấp địa phương, ngành, lĩnh vực về đào tạo, thu hút, trọng dụng nhân tài, lao động có kỹ năng, chuyên môn cao. Xây dựng và triển khai chương trình đào tạo chuyên gia, nhân lực chất lượng cao, lao động kỹ thuật trong các lĩnh vực công nghiệp nền tảng, công nghiệp ưu tiên, công nghiệp mũi nhọn. Quan tâm đào tạo, nâng cao trình độ lao động nông thôn; tăng số lượng lao động kỹ thuật có tay nghề; phát triển nhân lực nghiên cứu, chuyên gia trong nông nghiệp. Khuyến khích phát triển các nền tảng dạy và học trực tuyến mở, các mô hình đại học mới thích ứng với quá trình chuyển đổi số.

6. Phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại; thúc đẩy đô thị hoá nhanh và bền vững, gắn kết chặt chẽ và tạo động lực cho công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước

- Xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại cả về kinh tế và xã hội; ưu tiên phát triển một số công trình hạ tầng trọng điểm quốc gia và vùng về giao thông, thích ứng với biến đổi khí hậu, năng lượng, hạ tầng số, các công trình

hạ tầng xã hội về y tế, giáo dục của vùng. Phát triển hệ thống đường bộ cao tốc đạt mục tiêu 5.000 km vào năm 2030. Quan tâm đúng mức và phát triển kết cấu hạ tầng đường sắt có trọng tâm, trọng điểm; tập trung cải tạo, nâng cấp để tiếp tục khai thác có hiệu quả các tuyến đường sắt hiện có; nghiên cứu, sớm đầu tư xây dựng tuyến đường sắt tốc độ cao Bắc - Nam, các tuyến đường sắt đô thị tại Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh và một số thành phố khác, một số tuyến đường sắt kết nối với các khu kinh tế, khu công nghiệp, cảng hàng không, cảng biển. Đẩy nhanh xây dựng danh mục các dự án kêu gọi đầu tư hạ tầng giao thông giai đoạn 2021 - 2030. Xây dựng đề án tổng thể thống nhất về cơ chế giao quản lý, khai thác các tài sản kết cấu hạ tầng giao thông hàng hải, hàng không, đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa theo hướng tăng cường xã hội hoá, tách biệt rõ vai trò quản lý nhà nước với vai trò quản lý, khai thác kết cấu hạ tầng giao thông vận tải; nghiên cứu áp dụng thí điểm mô hình đầu tư công - quản trị tư, đầu tư tư - sử dụng công; đa dạng hoá nguồn lực, huy động tối đa nguồn lực từ quỹ đất trong đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng.

- Xây dựng và triển khai chiến lược phát triển hạ tầng thông tin, hạ tầng số, quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông cho giai đoạn tới theo định hướng hạ tầng số là thiết yếu, bảo đảm an toàn thông tin mạng là then chốt, ưu tiên đầu tư phát triển nhanh, đi trước một bước. Phát triển đồng bộ, hiện đại hạ tầng văn hoá, xã hội.

- Phát triển hệ thống đô thị bền vững theo hướng đô thị xanh, thông minh, thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai và dịch bệnh, có tính kết nối theo mạng lưới cao và gắn kết chặt chẽ với quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Hoàn thiện mô hình khu kinh tế, khu công nghiệp sinh thái ven biển gắn với hình thành phát triển đô thị và phát triển các trung tâm kinh tế biên mạnh. Khuyến khích phát triển mô hình khu công nghiệp - đô thị - dịch vụ, nhất là tại các đô thị, vùng đô thị có mật độ dân số cao. Tiếp tục nghiên cứu, điều chỉnh tiêu chí nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu tiệm cận với tiêu chí đô thị sinh thái.

7. Phát triển các thành phần kinh tế nhằm thúc đẩy công nghiệp hoá, hiện đại hoá

- Thực hiện đồng bộ, quyết liệt chủ trương của Đảng về tiếp tục cơ cấu lại, đổi mới và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước, phát triển doanh nghiệp tư nhân, thu hút FDI. Xây dựng và triển khai định hướng phát triển một số tập đoàn kinh tế, doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp tư nhân trong nước có quy mô lớn, hoạt động hiệu quả, có năng lực cạnh tranh quốc tế, đóng vai trò dẫn dắt, trụ cột trong một số lĩnh vực quan trọng của quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá như năng lượng, công nghiệp chế biến, chế tạo, tài chính - ngân hàng, nông nghiệp, viễn thông, kết cấu hạ tầng... Tăng cường cơ chế đặt hàng, giao nhiệm vụ cho một số tập đoàn, doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp tư nhân trong nước có quy mô lớn, có đủ năng lực thực hiện một số nhiệm vụ

có tính chiến lược, dẫn dắt quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá; chú trọng chính sách mua sắm công và các chính sách nâng cao năng lực doanh nghiệp trong nước của Việt Nam.

- Xây dựng tiêu chí để phân cấp, phân quyền thu hút FDI giữa Trung ương và địa phương; coi trọng chất lượng, có trọng tâm, trọng điểm; ưu tiên các dự án đầu tư có công nghệ cao, bảo đảm tiêu chuẩn về môi trường, thu hút lao động có kỹ năng của các công ty đa quốc gia lớn gắn với yêu cầu phải chuyển giao tri thức, công nghệ và quản trị; nâng cao tỉ lệ nội địa hoá.

- Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của kinh tế tập thể, nòng cốt là các hợp tác xã; ưu tiên phát triển các tổ chức kinh tế tập thể gắn với phát triển nông nghiệp công nghệ cao, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn.

8. Đổi mới chính sách tài chính, tín dụng thúc đẩy công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước nhanh, bền vững

- Nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, huy động, phân bổ, sử dụng các nguồn lực tài chính theo nguyên tắc thị trường; tiếp tục đa dạng hoá các hình thức huy động và sử dụng nguồn lực; thúc đẩy xã hội hoá, thu hút mạnh mẽ nguồn lực đầu tư ngoài nhà nước cho công nghiệp hoá, hiện đại hoá theo hướng lấy đầu tư công dẫn dắt đầu tư tư nhân; ưu tiên nguồn lực tài chính nhà nước đầu tư cho phát triển hạ tầng liên kết vùng, hạ tầng năng lượng, chuyển đổi số, khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo. Nâng cao hiệu quả đầu tư công; tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong giải ngân vốn đầu tư công, gắn trách nhiệm người đứng đầu cấp uỷ và chính quyền các ngành, các cấp liên quan trong sử dụng nguồn vốn đầu tư công. Đẩy nhanh cơ cấu lại thị trường tài chính, tiền tệ đáp ứng yêu cầu huy động và sử dụng vốn có hiệu quả; phát triển thị trường chứng khoán bền vững, trở thành kênh huy động quan trọng vốn trung và dài hạn cho thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

- Hoàn thiện cơ chế, chính sách phù hợp về đầu tư, tài chính, ngân sách đối với một số địa phương; rà soát, xác định tỉ lệ nguồn thu giữ lại hợp lý đối với các đô thị đặc biệt và các đô thị lớn để bảo đảm phát huy vai trò của các cực tăng trưởng kinh tế trong thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Sử dụng hiệu quả chính sách đặt hàng sản xuất và chính sách mua sắm công để thúc đẩy chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, nâng cao năng lực tự chủ về công nghệ và sản xuất. Đổi mới chính sách ưu đãi về thuế phù hợp với thông lệ quốc tế, hướng tới trọng tâm ưu tiên thúc đẩy phát triển hệ sinh thái và chuỗi giá trị sản xuất, dịch vụ hiện đại. Thực hiện đồng bộ cơ chế, chính sách để hướng tín dụng tập trung vào lĩnh vực sản xuất, lĩnh vực ưu tiên; thực hiện các chính sách ưu đãi về tài chính, tín dụng đủ mạnh để thúc đẩy phát triển các ngành công nghiệp nền tảng, công nghiệp ưu tiên, công nghiệp mũi nhọn, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, các ngành dịch vụ có giá trị gia tăng cao; phát triển mạnh tài chính xanh, tín dụng xanh.

9. Quản lý, sử dụng hiệu quả, tiết kiệm tài nguyên, bảo vệ môi trường, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu; tăng cường hội nhập quốc tế sâu rộng, hiệu quả đi đôi với bảo vệ và phát triển thị trường trong nước

- Khai thác và sử dụng tài nguyên hiệu quả; có lộ trình phát triển năng lượng tái tạo phù hợp với điều kiện, trình độ phát triển của đất nước trên cơ sở đánh giá tổng thể về lợi ích và chi phí của nền kinh tế; sớm xây dựng cơ chế phân bổ hạn ngạch phát thải khí nhà kính và thị trường tín chỉ cacbon. Xây dựng cơ chế ưu tiên để phát triển mạnh công nghiệp tái chế và công nghiệp tái tạo. Quản lý chặt chẽ và toàn diện việc sử dụng quặng và chất thải chứa kim loại màu, nguyên tố đất hiếm. Có chiến lược phát triển khai thác, chế biến quặng đất hiếm và một số loại khoáng sản có giá trị cao có lợi thế cạnh tranh. Phát triển công nghiệp sử dụng triệt để chất thải rắn, chất thải công nghiệp, tái chế chất thải xây dựng.

- Phát triển mạnh ngành công nghiệp môi trường. Mở rộng phạm vi, tăng tỉ trọng mua sắm chính phủ đối với sản phẩm thân thiện môi trường. Khuyến khích phát triển dịch vụ cải tạo, phục hồi môi trường, hệ sinh thái tự nhiên. Thực hiện chứng thực, công nhận dán nhãn sinh thái, hiệu quả năng lượng đối với sản phẩm trong các lĩnh vực công nghiệp, xây dựng, giao thông vận tải và hàng tiêu dùng, chứng nhận sản phẩm tiết kiệm năng lượng. Có lộ trình phù hợp để giảm tối đa, tiến tới không sử dụng sản phẩm nhựa dùng một lần. Thí điểm, nhân rộng và phát triển các mô hình sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, tái sử dụng, tái chế chất thải phù hợp với từng ngành, vùng, miền. Nghiên cứu, thử nghiệm áp dụng hệ thống hạch toán vốn tự nhiên trong nền kinh tế theo thông lệ quốc tế và phù hợp với thực tiễn Việt Nam.

- Triển khai mạnh mẽ, đồng bộ, sáng tạo, hiệu quả công tác ngoại giao kinh tế phục vụ phát triển đất nước; tận dụng, khai thác hiệu quả mạng lưới các đối tác chiến lược, toàn diện để xây dựng và triển khai các chiến lược, chương trình, kế hoạch công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Nghiên cứu, thiết lập quan hệ đối tác chiến lược trong một số ngành, lĩnh vực công nghiệp nền tảng, công nghiệp ưu tiên, phát triển xanh, bền vững. Chủ động xây dựng và hoàn thiện hệ thống phòng vệ để bảo vệ nền kinh tế, doanh nghiệp, thị trường trong nước phù hợp với các cam kết quốc tế và yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

10. Phát huy giá trị văn hoá, bản lĩnh, trí tuệ con người Việt Nam, xây dựng giai cấp công nhân hiện đại, lớn mạnh; đội ngũ trí thức và doanh nhân xung kích, đi đầu trong công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước; bảo đảm tốt an sinh xã hội

- Xây dựng hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hoá và chuẩn mực con người Việt Nam gắn với giữ gìn, phát triển hệ giá trị gia đình Việt Nam thời kỳ đầy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập quốc tế. Hình thành môi trường

văn hoá số. Phát triển nhanh, bền vững, hiệu quả các ngành công nghiệp văn hoá và dịch vụ văn hoá gắn với phát triển du lịch. Có cơ chế, chính sách sớm khắc phục khoảng cách chênh lệch về hạ tầng văn hoá giữa thành thị và nông thôn, đồng bằng và miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo; chênh lệch về mức thụ hưởng văn hoá giữa các giai tầng, các nhóm xã hội, các cộng đồng dân cư.

- Tập trung ưu tiên đầu tư thích đáng, tạo điều kiện thuận lợi phát triển mạnh mẽ giai cấp công nhân cả về số lượng và chất lượng, có bản lĩnh chính trị, trình độ học vấn, chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, tác phong công nghiệp, kỷ luật lao động đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong tình hình mới. Quan tâm chăm lo đời sống vật chất, tinh thần, nhà ở và phúc lợi xã hội cho công nhân; bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của công nhân. Ưu tiên quỹ đất, vốn và có các chính sách ưu đãi, tạo thuận lợi cho triển khai xây dựng đến năm 2030 được ít nhất 1 triệu nhà ở xã hội cho công nhân và người có thu nhập thấp; bảo đảm đáp ứng đồng bộ hạ tầng xã hội thiết yếu về giao thông, y tế, giáo dục, văn hoá của các khu nhà ở, tạo chỗ ở ổn định, nâng cao đời sống để công nhân an tâm lao động sản xuất. Tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác đưa người lao động và chuyên gia Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài. Đẩy mạnh trí thức hoá công nhân thông qua đào tạo, đào tạo lại và bồi dưỡng nâng cao trình độ học vấn, chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng số cho công nhân.

- Đổi mới tư duy, nâng cao nhận thức và phát huy vai trò đặc biệt quan trọng của đội ngũ trí thức và doanh nhân Việt Nam thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong tình hình mới. Xây dựng và triển khai Chiến lược phát triển đội ngũ trí thức, Chiến lược phát triển đội ngũ doanh nhân đến năm 2030, chương trình quốc gia về đào tạo doanh nhân, xây dựng văn hoá kinh doanh Việt Nam tiên tiến, giàu bản sắc và hội nhập quốc tế.

- Xây dựng hệ thống an sinh xã hội tiên tiến, hiện đại, hướng tới bao phủ toàn dân, nhất là về chăm sóc sức khoẻ và bảo hiểm y tế; quan tâm trợ giúp cho các nhóm đối tượng yếu thế. Tiếp tục cải cách mạnh mẽ hệ thống bảo hiểm xã hội theo hướng đa tầng dựa trên nguyên tắc đóng - hưởng, chia sẻ bền vững. Triển khai đồng bộ các giải pháp giảm nghèo đa chiều, bao trùm, bền vững, bảo đảm mức sống tối thiểu và các dịch vụ cơ bản; khuyến khích và có chính sách ưu đãi phát triển đa dạng các mô hình sản xuất và dịch vụ có sự tham gia của các hộ nghèo, cận nghèo; hỗ trợ phát triển các mô hình sản xuất kinh doanh phù hợp với người nghèo, nhất là ở vùng nông thôn, miền núi.

IV- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Bộ Chính trị ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết; lãnh đạo, chỉ đạo triển khai đồng bộ, kịp thời, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức,

hành động của cả hệ thống chính trị về công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong bối cảnh và điều kiện mới.

2. Các tỉnh uỷ, thành uỷ; các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng uỷ trực thuộc Trung ương tổ chức nghiên cứu, quán triệt và xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện Nghị quyết phù hợp với tình hình của ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị; định kỳ kiểm tra, đánh giá việc thực hiện.

3. Đảng đoàn Quốc hội, Ban cán sự đảng Chính phủ lãnh đạo, chỉ đạo, tập trung thể chế hoá nội dung Nghị quyết; ưu tiên bố trí nguồn lực cho thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá, nhất là phát triển các ngành công nghiệp nền tảng, công nghiệp ưu tiên, công nghiệp mũi nhọn phục vụ phát triển nhanh, bền vững; tăng cường kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện Nghị quyết.

Ban cán sự đảng Chính phủ chỉ đạo sửa đổi, bổ sung các văn bản dưới luật; xây dựng Chiến lược công nghiệp hoá, hiện đại hoá đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và các quy hoạch, chiến lược liên quan; cụ thể hoá hệ tiêu chí đánh giá kết quả công nghiệp hoá, hiện đại hoá; xây dựng và tổ chức triển khai các chương trình, kế hoạch, đề án thực hiện Nghị quyết đồng bộ, hiệu quả.

4. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội xây dựng chương trình, kế hoạch tuyên truyền, vận động và giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

5. Ban Tuyên giáo Trung ương chủ trì, phối hợp với Ban Kinh tế Trung ương tổ chức hướng dẫn việc nghiên cứu, học tập và quán triệt tuyên truyền sâu rộng về nội dung Nghị quyết và kết quả thực hiện.

6. Ban Kinh tế Trung ương chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thường xuyên theo dõi, giám sát, kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện Nghị quyết; định kỳ sơ kết, tổng kết, báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

TỔNG BÍ THƯ

Đã ký: Nguyễn Phú Trọng

**ĐẢNG ỦY KHỐI
DOANH NGHIỆP TRUNG ƯƠNG**

Số 72-SL/ĐUK

Nơi nhận:

- Các đồng chí Ủy viên BCH ĐBK,
- Các ban, đơn vị Đảng ủy Khối,
- Các đảng uỷ trực thuộc,
- Lưu Văn thư.

Hà Nội, ngày 28 tháng 11 năm 2022

Sao lục

Để quán triệt, triển khai, thực hiện

**T/L BAN THƯỜNG VỤ
CHÁNH VĂN PHÒNG**



Vũ Đức Tú

ĐẢNG ỦY TẬP ĐOÀN ĐÀU KHU QUỐC GIA VIỆT NAM

ĐẾN Số: 434
Ngày: 30/11/2022

Chuyên: V.P.Đ.U. Số 19-CT/TW

Số và ký hiệu hồ sơ: 735

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Hà Nội, ngày 18 tháng 11 năm 2022

ĐẢNG ỦY TẬP ĐOÀN ĐÀU KHU QUỐC GIA VIỆT NAM

ĐẾN Số: 961
Ngày: 25/11/2022

CHỈ THỊ
CỦA BAN BÍ THƯ
về việc tổ chức Tết Quý Mão năm 2023

Để chuẩn bị tốt nhất các điều kiện phục vụ nhân dân đón mừng năm mới 2023 và vui xuân, đón Tết Nguyên đán Quý Mão lành mạnh, an toàn, tiết kiệm, tạo khí thế phấn khởi, quyết tâm tiếp tục thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng và Nghị quyết đại hội đảng bộ các cấp, ổn định kinh tế vĩ mô, phát triển kinh tế - xã hội, Ban Bí thư yêu cầu cấp uỷ, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp tập trung lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện tốt một số nhiệm vụ trọng tâm sau:

1. Thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội, phát huy truyền thống đại đoàn kết, tinh thần "tương thân, tương ái" của dân tộc, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, bảo đảm mọi nhà, mọi người đều có điều kiện vui xuân, đón Tết. Quan tâm chăm lo cho các gia đình chính sách, người có hoàn cảnh khó khăn, các hộ nghèo, đồng bào các địa phương bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo, vùng dân tộc thiểu số và miền núi; công nhân, người lao động làm việc tại các khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất, nhất là người bị mất việc làm.

Tổ chức tốt việc thăm hỏi, chúc Tết thương binh, bệnh binh, gia đình liệt sĩ, gia đình có công với nước, cán bộ lão thành cách mạng, Mẹ Việt Nam Anh hùng, nhân sĩ, trí thức, văn nghệ sĩ, người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số, chức sắc tôn giáo tiêu biểu, các đơn vị lực lượng vũ trang, lực lượng thường trực làm nhiệm vụ trong những ngày Tết, nhất là ở biên giới, hải đảo, vùng khó khăn, địa bàn phức tạp về an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

2. Thực hiện tốt công tác quản lý và tổ chức lễ hội theo quy định, bảo đảm các hoạt động lễ hội, vui xuân, kỷ niệm ngày truyền thống, hội nghị tổng kết năm, gặp mặt đầu năm, Tết trồng cây... thiết thực, an toàn, tiết kiệm, phù hợp với nếp sống văn minh, truyền thống văn hoá của dân tộc và phong tục, tập quán tốt đẹp của từng địa phương. Lãnh đạo các địa phương căn cứ vào

linh hình thực tiễn, quyết định việc tổ chức bắn pháo hoa chào mừng năm mới 2023 và Tết Nguyên đán Quý Mão phù hợp với điều kiện, khả năng của địa phương, bảo đảm an toàn, tiết kiệm, không sử dụng ngân sách nhà nước.

3. Không tổ chức thăm, chúc Tết cấp trên và lãnh đạo các cấp; không tổ chức đoàn của Trung ương thăm, chúc Tết cấp uỷ, chính quyền các tỉnh, thành phố; nghiêm cấm biếu, tặng quà Tết cho lãnh đạo các cấp dưới mọi hình thức; chỉ dự lễ chùa, lễ hội khi được phân công; không tham gia các hoạt động mê tín dị đoan; không sử dụng ngân sách nhà nước, phương tiện, tài sản công trái quy định. Cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu cấp uỷ, tổ chức đảng phải thật sự nêu gương trong việc thực hiện vui xuân, đón Tết lành mạnh, an toàn, tiết kiệm.

4. Kiểm tra, giám sát chặt chẽ, bảo đảm tốt công tác an toàn thực phẩm, vệ sinh môi trường, phòng, chống dịch bệnh, đặc biệt là dịch Covid-19, cúm, sốt xuất huyết, đậu mùa khi... Tăng cường công tác dự báo và quản lý thị trường, ổn định giá cả, bảo đảm cân đối cung - cầu hàng hoá, dịch vụ, bảo đảm xăng dầu, các mặt hàng thiết yếu; kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm mọi hành vi gian lận thương mại, sản xuất, kinh doanh hàng giả, hàng kém chất lượng, đầu cơ, tích trữ, đẩy giá hàng hoá tăng cao bất thường để thu lợi bất chính. Chủ động có kế hoạch bảo đảm đủ phương tiện vận chuyển hàng hoá và phục vụ nhân dân, kiều bào ta từ nước ngoài về quê đón Tết đi lại thuận tiện, an toàn. Có kế hoạch cụ thể, bố trí cán bộ, nhân viên trực Tết, kịp thời xử lý, giải quyết hiệu quả mọi công việc, tình huống phát sinh; thực hiện nghiêm chế độ thông tin, báo cáo trong dịp nghỉ; khẩn trương trở lại làm việc bình thường sau ngày nghỉ, phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ ngay từ những tháng đầu năm.

5. Chú trọng công tác bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, an toàn không gian mạng. Chủ động phòng ngừa, phát hiện sớm, sẵn sàng phương án ngăn chặn, xử lý hiệu quả các tình huống phức tạp xảy ra, không để bị động, bất ngờ; bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc. Tăng cường các biện pháp phòng ngừa, đấu tranh có hiệu quả đối với các loại tội phạm, vi phạm pháp luật và tệ nạn xã hội; xử lý nghiêm các vi phạm, bảo vệ tuyệt đối an toàn các mục tiêu, công trình trọng điểm, các sự kiện chính trị, đối ngoại, văn hoá - xã hội của đất nước. Tăng cường công tác tuần tra, kiểm soát, bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng, chống cháy, nổ. Thực hiện nghiêm các quy định về quản lý, sử dụng pháo và vật liệu nổ.

6. Các cấp uỷ, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội hoàn thành việc tổng kết công tác năm 2022 trước ngày 10/01/2023 (ưu tiên tổ chức hội nghị trực tuyến, chỉ trực tiếp khi cần thiết) để tập trung chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ chính trị năm 2023 và chăm lo Tết cho nhân dân; nghiêm túc quán triệt và tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Chỉ thị này, góp phần thực hiện thắng lợi mọi nhiệm vụ đề ra.

7. Ban Tuyên giáo Trung ương chủ trì, phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch, Bộ Y tế và các cơ quan liên quan chỉ đạo, hướng dẫn, tăng cường tuyên truyền về những thành tựu của đất nước, các hoạt động mừng Đảng, mừng Xuân, hoạt động văn hoá, thể thao, lễ hội trong dịp Tết; nâng cao ý thức tự giác của nhân dân trong thực hiện các quy định về an toàn giao thông, sử dụng pháo và vật liệu nổ; phòng, chống dịch bệnh; chủ động đấu tranh phản bác các thông tin, quan điểm sai trái, xuyên tạc, làm thất bại mọi âm mưu phá hoại của các thế lực thù địch.

Văn phòng Trung ương Đảng chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan nắm tình hình triển khai thực hiện và báo cáo Ban Bí thư về kết quả thực hiện Chỉ thị.

T/M BAN BÍ THƯ
Đã ký: Võ Văn Thưởng

ĐẢNG ỦY KHỐI
DOANH NGHIỆP TRUNG ƯƠNG

Số 73-SL/ĐUK

Nơi nhận:

- Các đ/c UV BTV Đảng ủy Khối,
- Các ban, đơn vị Đảng ủy Khối,
- Các đảng ủy trực thuộc,
- Lưu Văn thư.

Hà Nội, ngày 28 tháng 11 năm 2022

Sao lục

Để quán triệt, triển khai, thực hiện

T/L BAN THƯỜNG VỤ
CHÁNH VĂN PHÒNG



Vũ Đức Tú